

GUỜNG THIỀN (Thiền Gia Quy Giám)



Tây Sơn Đại Sư (1520 ~ 1604)
Tào Khê Thối Ẩn thuật
Thị Giới dịch Việt

Lời Đầu Bản Dịch Tiếng Việt

Thiền thì đốn ngộ Tự Tánh tức Phật Tánh rồi tiệm tu (Diệu tu). Giáo thì đạt đến Nhất Tâm và tu trong Nhứt Tâm đó.

Hành giả Giáo môn thực hành theo lời Phật dạy trong Kinh để đạt được tâm chuyên nhất. Nơi tâm chuyên nhất, tu tập qua nhiều tầng bậc, ném từng phần mùi vị của Pháp, dần khế hợp với Chân Như, hướng đến cứu cánh toàn giác. Hành giả tu Thiền theo lời dạy của Thầy, Tổ để có được cái thấy ban đầu gọi là đốn ngộ hay thấy Tánh, sau đó tiệm tu, giữ gìn và vận dụng cái thấy đó cho đến khi hoàn toàn sáng tỏ, hoàn toàn nhuần nhuyễn.

Giáo như bản đồ đường bộ vẽ con đường dẫn lên đỉnh núi. Thiền như bức không ảnh cho thấy khung cảnh đỉnh núi. Dù dùng bản đồ đường bộ hay không ảnh, cả hai đều cùng hướng về một đỉnh núi, theo con đường Giới-Định-Huệ của Giáo, hay Huệ-Định-Hạnh của Thiền. Nơi Giáo môn, Giới-Định-Huệ hiển bày trong Một Vị, hay Nhất Tâm. Nơi Thiền, Huệ-Định-Hạnh toàn chứa trong Thấy Tánh hay Vô Niệm. Lúc nào cũng ở trong Nhất Tâm là lúc nào cũng ở trong Giới-Định-Huệ, lúc nào cũng Thấy Tánh là lúc nào cũng ở trong Huệ-Định-Hạnh. Nơi Nhất Tâm hay Một Vị, Giới-Định-Huệ là một. Trong Thấy Tánh hay Vô Niệm, Huệ-Định-Hạnh là một. Đó là ba thời bình đẳng.

Theo ngài Tây Sơn Đại Sư, Giáo là Lời của Phật, Thiền là Tâm của Phật. Giáo môn theo lời dạy của Phật mà đi vào Tâm Phật, Thiền theo sự khai mở của Tổ mà vào ngay Tâm Phật. Cả hai đều có cùng một đích là tỏ bày *cái không lời*, cùng đi đến một cứu cánh là *cái không thể gọi tên tả hình, vượt ngoài tri giải*. Cái đó chính là Tánh Phật cũng là Tánh Không.

Giáo và Thiền do đó không phải là hai cánh cửa, hai con đường hoàn toàn biệt lập, không thể hỗ trợ cho nhau.

Đặc biệt trong phần Tế Hạnh, Tây Sơn Đại Sư dạy rõ về những hạnh mà người tu Thiền thường không coi trọng. Đó là những hạnh như: Bồ thí, Giữ giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Trì chú, Lễ bái, Niệm Phật, Nghe Kinh v.v.

Thiền Gia Quy Giám được ngài Tây Sơn Đại Sư, một vị Thiền Sư ngộ đạo lại học rộng nhớ nhiều, từng hoạt động trong nhiều môi trường và hoàn cảnh, viết ra để dạy đệ tử thuộc nhiều căn cơ. Do đó, ngài đã dùng những phương tiện thiện xảo để dẫn vào Nhứt Vị hay Nhứt Tâm của Phật, Kiến Tánh của Tổ, mở cửa cho sự thành tựu Giới Định Huệ và lục độ, vạn hạnh.

Nội dung của Thiền Gia Quy Giám có thể được tóm tắt bằng lời của Đại sư viết trong phần kết luận cuốn sách: *“Toàn giáo pháp bắt đầu với cái không thể gọi tên tả hình, kết thúc với việc không còn tri giải. Bao nhiêu vương mắc, một câu phá hết”* và *“Trước sau một nghĩa, giữa nêu vạn hạnh.”*

Trong nhiều thế kỷ cho đến ngày nay, Thiền Gia Quy Giám đã được coi như cẩm nang tu học của tăng, ni và cư sĩ ở Đại Hàn, Trung Hoa, Nhật Bản cả trong Thiền lẫn Giáo.

Tôi mạo muội dịch ra tiếng Việt cuốn sách nhỏ vô giá này, trước là để tự học hỏi, sau là hy vọng có thể góp một phần nhỏ vào kho tàng Phật học, nhất là Thiền học nước nhà. Nếu có được chút ít công đức, xin hồi hướng cho tất cả chúng sanh và nguyện được gặp nhau trong Pháp Hội Long Hoa của Đức Di Lặc.

Bản tiếng Việt này được dịch theo bản dịch tiếng Anh *The Mirror of Zen* của Thiền sư Hyon Gak Sunim và bản chữ Hán *Thiền Gia Quy Giám* của Tây Sơn Đại Sư do CBETA (Trung Hoa Điện Tử Phật Điển Hiệp Hội) phổ biến. Để tiện cho sự tham khảo của độc giả, trong phần chú thích, tôi để thêm âm Hán Việt những câu chủ đề của mỗi chương và những câu trích dẫn trong ngoặc kép, và kèm theo bản Hán văn.

Bản dịch chắc chắn không tránh khỏi những sai sót. Kính mong chư thiện trí thức chỉ giáo.

Xin sám hối chư Phật, chư Tổ, bốn sư Thượng Tịch Hạ Chiếu, anh em bạn đạo và chư thiện trí thức về việc thêm sóng trên nước, vẽ hoa trong không này.

Thành phố Calgary, AB Canada
Mùa Thu 2010
Thị Giới.
(Sửa lần 1: Tháng 12 năm 2016.)

Lời Đầu Bản Dịch Tiếng Anh

Hyon Gak Sunim

Bản dịch Thiền Gia Quy Giám này là bản dịch Anh ngữ toàn bộ đầu tiên tác phẩm cổ điển vượt thời gian này ở phương Tây.

Nếu bạn có dịp vào sâu trong những núi non và thung lũng ở Đại Hàn, hỏi thăm những vị tăng ni, những người ân cư và những nhà khổ hạnh tu tập thiền định về bản tóm tắt giáo lý cần thiết, nền tảng nhất ngoài các kinh do Đức Phật dạy, bạn sẽ nghe hầu hết các vị này chọn Thiền Gia Quy Giám. Đó là một bản văn được trích dẫn nhiều nhất, được đề cập nhiều nhất trong những trà thất và giảng đường ở các chùa Đại Hàn. Các tăng ni thường được một vị lão sư viết một trong những câu kệ trú danh trong đó dưới dạng thư pháp để dán lên tường trong am thất, hoặc tặng cho bạn cùng tu thiền như một tặng phẩm quý giá để sách tấn việc tu tập. Như tất cả những tăng ni Đại Hàn khác, thầy tôi, Thiền Sư Seung Sahn, chịu ảnh hưởng sâu xa từ những lời dạy của ngài So Sahn: những lời khích lệ và những mẫu chuyện trong tập sách này thường được đề cập trong những lời dạy của ngài. Và khi Thiền Sư Seung Sahn đến Hoa Kỳ, một trong những việc ngài cố gắng thực hiện là khuyến khích một trong những đệ tử thân cận của ngài dịch tác phẩm này. (Nó chưa bao giờ được hoàn thành.) Tác phẩm do ngài viết, *The Compass of Zen*, là một tác phẩm tiếp nối trực tiếp, có thể nói là một tác phẩm tiếp nối tinh thần của Thiền Gia Quy Giám, chia sẻ mục đích, sự súc tích, và cả cấu trúc. Trải qua nhiều thế kỷ, Thiền Gia Quy Giám đã được dùng ở các Thiền đường Nhật Bản và Trung Hoa để học hỏi về những chỉ dẫn súc tích cho việc tu tập.

Không phải là một học giả cũng không phải là một dịch giả chuyên môn, tôi không bao giờ có ý nghĩ sẽ cả gan dám đụng đến một bản văn tôn kính như bản văn này. Tuy nhiên việc quyết định thực hiện được thôi thúc bằng một sức mạnh hòa nhã của ngài Boep Joeng, một vị Thiền tăng, nhà hoạt động, thi sĩ, và theo ý kiến chung là một đại biểu tâm linh còn sống được tôn kính nhất trong các giáo phái Nam Hàn ngày nay. Bản dịch Thiền Gia Quy Giám của ngài, được dịch từ vài thập niên trước từ bản Hán văn sang tiếng mẹ đẻ Đại Hàn, được chính phủ Hàn Quốc chọn làm đại diện cho những tác phẩm nổi bật trong nền văn chương nghệ thuật Hàn Quốc tại Hội Chợ Sách Frankfurt ở Đức. Bản dịch của ngài được coi là bản dịch hay nhất từ bản Hán văn sang tiếng mẹ đẻ, và bản dịch của tôi “nhìn qua cặp mắt” bản dịch của ngài để có bản Thiền Gia Quy Giám tiếng Anh.

Do đó, những người được rèn luyện nhiều hơn trong lãnh vực cổ học Trung Hoa hay Phật Giáo có lẽ cần tìm hiểu làm sao một người không được chuẩn bị về học thuật trong lãnh vực lại dịch một tác phẩm thuộc loại đó như cuốn Thiền Gia Quy Giám.

Vào một ngày tháng Ba năm 2004, tôi được cho biết là ngài Boep Joeng Sunim muốn gặp tôi tại Gil Sang Sah, một ngôi chùa ở miền bắc trung bộ Hàn Quốc. Lúc bấy giờ tôi đang làm giáo thọ hướng dẫn ở Trung Tâm Thiền Quốc Tế Hán Thành tại Chùa Hwa Gye Sah, và là thư ký thị giả cho Thầy tôi là Thiền Sư Seung Sa hn. Liệu tôi có thể dịch tác phẩm này sang Anh ngữ để giới thiệu cho thế giới được không?

Việc tôi có thể dốt chữ Hán, và thiếu khả năng về Hàn ngữ, đối với ngài Boep Joeng Sunim không là vấn đề. Có cơ hội được quý trước vị Thầy lớn lao này, hoặc được nghe bất cứ lời nào của ngài là một dịp may đặc biệt hiếm hoi. Ngài cứng rắn từ chối việc thường xuyên phải vào thành phố. Ngài thích chiếc lều ọp ẹp không ở chỗ nào cố định trong núi rừng của ngài hơn. Ngài cũng cứng rắn từ chối không cho phép dịch những bài viết của ngài sang Anh ngữ, có thể vì ngài biết rằng nó sẽ làm tăng tiếng tăm, ảnh hưởng đến đời sống tâm linh khổ hạnh của ngài.

Bên cạnh người đệ tử thân cận lặng lẽ pha trà, một loại trà xanh mùi thơm dịu, thật rất khó từ chối yêu cầu của ngài. Dịch lời của ngài Boep Joeng Sunim đã là công việc lớn lao khó lường, phía sau đó lại là một đỉnh núi vĩ đại, cao ngất nhô lên giữa những rặng núi lớn, đó là Đại Sư So Sahn. Đây lại là một tác phẩm gieo giống Phật của ngài. Và tôi chỉ là một Thiền tăng, một người Mỹ sinh trưởng ở New Jersey, sự tu tập và đạo hạnh còn thiếu sót, và là một người không được học tí nào về Hán học cổ điển.

Khi tôi nêu ra một cách thất vọng tên nhiều người đủ tư cách hơn tôi để nhận lãnh trách nhiệm này, người nào ngài Boep Joeng Sunim cũng chỉ lắc đầu. Mối ngài mím chặt với danh sách dài thêm. Và lý do bên sau sự cương quyết hòa nhã của ngài trở nên rõ ràng khi ngài nói: *“Không phải người nào cũng có thể dịch cuốn sách này và đạt được ý nghĩa chân thật của ngài So Sahn. Những người mà con đề cập không phải là những người có tu tập. Những người đó có thể đủ khả năng về mặt này hay mặt khác về chữ nghĩa, và có thể hiểu tiếng Anh. Nhưng họ không tu tập thiền quán. Chỉ người nào thật sự tu tập thiền quán – và nếu là một Thiền tăng thì càng tốt, phó thác cả thân-tâm, mới có thể tiếp xúc với ý nghĩa chân thật của những lời dạy này. Và tốt hơn nhiều nếu tăng sĩ đó thật sự thực hành một cách đúng đắn.”*

Như vậy, quan tâm của ngài Boep Joeng Sunim là thiền quán – thuần túy và đơn giản – không phải là sự chuẩn bị về trí thức. Đối với ngài, ý nghĩa bên trong của tác phẩm này đối với người tu thiền là quan trọng hơn cả, quan trọng hơn nhiều việc dịch chuẩn xác, cứng nhắc của học giả. Khoảng sáu tháng làm việc, sau khi tiếp xúc với nhiều tình huống, tôi nhận ra rằng việc dịch thuần túy nghĩa đen, chữ qua chữ từ Hán ngữ sang Hàn ngữ sang Anh ngữ chẳng những nhầm chán và thiếu sót, mà còn làm hỏng nhiều điểm chính yếu của lời dạy, ý nghĩa tinh tế và sâu xa của ngài So Sahn, tôi lại tìm đến ngài Boep Joeng Sunim. Đến cách thế nào để tôi vẫn còn giữ được hay đánh mất lòng tin của ngài vào những cố gắng của tôi?

Lời của ngài mở ra cho tôi những ý nghĩa tiềm ẩn sâu xa hơn của bản văn này, và tôi trở lại với công việc bằng một lòng tự tin lớn hơn. Ngài nói: *“Tất cả những kinh điển được dịch ở Trung hoa cơ bản có hai vị dịch giả lớn dịch từ Phạn văn sang Hán văn được biết đến nhiều nhất cho đến ngày nay. Ngài Huyền Tráng dịch chữ-sang-chữ, bám chặt vào nghĩa đen rất nghiêm ngặt và thận trọng, kết hợp ‘chính xác’ mỗi chữ Phạn với chữ Trung hoa tương đương gần nhất. Còn ngài Cưu Ma La Thập, trong khi dịch đúng, chấp nhận một sự cởi mở hơn, cho phép các bản văn được đọc theo cách khác hơn là một bản dịch quá sát nghĩa đen. Một số người lúc bấy giờ cho rằng bản dịch của ngài không có tính chính thống, ngay cả còn cho rằng không chính xác. Nhưng điều quan trọng đối với ngài Cưu Ma La Thập là làm sao cho bản kinh có thể được chuyên chở theo cách bày tỏ*

của người Trung hoa, theo cách thức tự nhiên cho họ hơn những bản dịch nghiêm ngặt. Và con biết thế nào không? Những bản dịch của ngài Cưu Ma La Thập ngày nay được đánh giá cao hơn, và tuyệt đối được những thiên tăng quý chuộng hơn là những bản dịch được coi là 'chính xác' của ngài Huyền Tráng." Sau khi hớp một ngụm trà, ngài nhắm mắt lại và nói với một nụ cười đôn hậu: "Bây giờ con phải trở thành một Cưu Ma La Thập Hoa kỳ."

Quý vị học giả có thể thất vọng. Nhưng ngài không ngót thuyết phục tôi nên tạo một bản dịch tiện lợi cho độc giả Tây phương ngày nay hiểu được những điều ngài So Sahn muốn nói. Tôi đã cố gắng bằng mọi giá để tạo một bản dịch mà trong khi vẫn lắng nghe kỹ lưỡng mỗi chữ Hán mà ngài So Sahn viết xuống nhưng đồng thời vẫn không bị nô lệ bởi ý nghĩa quy ước của những từ ngữ đó, đặc biệt là việc ngài đã viết với một văn phong rất trang trọng trong một bối cảnh thời đại và tu viện rất xa với bối cảnh của chúng ta ngày nay ở phương Tây.

Nếu tôi thành công về phương diện nào đó thì khi đọc bản dịch này, bạn sẽ không thấy một sự cô xua xa cách nói lên bằng một ngôn ngữ cô đọng khó thâm nhập của thời gian cách nay nhiều thế kỷ, nhưng như một vị thầy đang ngồi xếp bằng ngay trước bạn, nói bằng ngôn ngữ của bạn để giúp bạn tu tập ngay trong phút giây hiện tại.

Một ghi chú về chính tả: Độc giả của bản dịch này dĩ nhiên là những độc giả trong cảnh ngữ Tây phương. Nhưng đây là một bản văn chứa đựng những câu chuyện liên quan đến những vị thầy, những văn bản, những tên chùa, những địa danh và những giáo lý Ấn Độ, Trung Hoa, Đại Hàn. Mỗi hệ thống ngôn ngữ này có quy luật riêng để chuyển ngữ một cách thích hợp sang Anh ngữ. Không có cách nào để tiêu chuẩn hóa những cách đánh vần tất cả các tên gọi và thuật ngữ để thỏa mãn kinh nghiệm của độc giả ở phương Tây, tất cả họ đến với bản văn này từ những truyền thống tâm linh khác nhau.

Những thuật ngữ tiếng Phạn vẫn giữ nguyên chuyển ngữ trong văn thể tiếng Anh tiêu chuẩn. Nhưng "Hàn hóa" việc chuyển ngữ sang tiếng Anh những từ Phật giáo và địa danh chỉ với mục đích "tiêu chuẩn hóa" có thể làm cho nhiều độc giả Tây phương khó hiểu vì từ lâu họ đã quen với những tên đã được tiêu chuẩn hóa bằng khả năng sáng tạo tiếng Anh qua nhiều năm dịch thuật của các học giả tiếng Hán và tiếng Nhật.

Do đó, trong trường hợp những tên và thuật ngữ Đại Hàn và Trung Hoa, một thể loại chữ Trung Hoa tiêu chuẩn, Wade-Giles, đã được tiếp nhận cho những tên và thuật ngữ Trung Hoa, và một thể loại chữ Đại Hàn cho những tên và thuật ngữ Đại Hàn. Tên dùng trong đời sống tu viện cho những vị tăng lớn thường là bốn chữ, và để làm rõ, ở đây tên các vị tăng Trung hoa sẽ có gạch nối giữa các chữ, còn tên các vị tăng Đại hàn sẽ không có gạch nối. Việc này cho người đọc thấy ngay trong mạch văn vị nào ở trong truyền thống nào, mà tôi tin là có tác dụng hơn so với sự cứng nhắc khi sử dụng một kiểu.

Một bản dịch trong điều kiện tốt nhất cũng chỉ là một phản ánh mờ nhạt của bản chính. Kết quả cao nhất cũng chỉ là đưa ra một tấm gương phản chiếu cho bản chính, và ngay một bản dịch cẩn thận nhất cũng chỉ khá hơn chút ít việc phản chiếu màu sắc và hình dạng của bản gốc. Những hình ảnh trong tấm gương có thể đúng nhưng cũng không bao

giờ là kinh nghiệm toàn bộ của bản gốc. Kết cấu, cảm nhận, mùi và vị của bản gốc không thể diễn tả bằng hình ảnh phản chiếu.

Điều này là sự thật đối với bất kỳ tác phẩm dịch thuật nào. Điều này lại càng đúng hơn đối với việc dịch một tác phẩm nguyên bản về Thiền, một tác phẩm muốn có tác dụng giống như một tấm gương – không tùy thuộc vào chữ hay lời, chỉ thẳng vào chân tánh của chúng ta. Cố gắng dịch một tác phẩm kinh điển, ngay từ khởi đầu đã đầy những sai lầm: sai lầm biết bao khi diễn dịch cái tâm như tấm gương của một vị Đại Thiền Sư. Chẳng phải là chính Thiền sư So Shan nói rằng, trong khi mọi giáo lý dùng ngôn ngữ để chỉ vào thế giới vô ngôn, Thiền dùng vô ngôn để chỉ vào thế giới vô ngôn đó sao? Do đó làm thế nào có thể tin tưởng để chuyển tải cái đó?

Boep Joeng Sunim (b. 1932) có lẽ không phải là một cái tên quen thuộc đối với người Tây phương, nhưng giáo pháp của ngài và cuộc sống thiền quán một mình, sự khổ hạnh nghiêm ngặt, đức hạnh cũng như sự trong sạch tuyệt vời của ngài, mọi người Đại Hàn đều biết. Mặc dù tác phẩm của ngài được mọi người đọc, không phân biệt tôn giáo, và sách của ngài là những cuốn sách bán chạy nhất trong ba mươi hay bốn mươi năm qua, ngài xa lánh sự giàu có, danh vị, và ngay cả một ngôi chùa riêng, sống trong một túp lều nước và điện không bắt tới nằm sâu trong những rặng núi ở vùng xa. Vị trí của túp lều ngay cả các đệ tử xuất gia của ngài cũng không biết. Sự nghiêm ngặt trong việc giữ giới không sở hữu của ngài thật là khó tin.

Bản dịch của ngài Boep Joeng Sunim là lý do có mặt của bản dịch này. Nhưng nền tảng vẫn là bản văn nguyên thủy của ngài So Shan. Bản dịch này căn bản được dịch từ bản dịch của ngài Boep Joeng Sunim, nhưng mỗi tiết, mỗi chữ tôi đều quay về đối chiếu trực tiếp với bản Hán văn của ngài So Sahn. Tôi đã gặp nhiều khó khăn với sự diễn đạt có khuynh hướng Đại Hàn của ngài Boep Joeng Sunim, nó đã tạo ra một định kiến nhỏ làm cho ý nghĩa nguyên thủy của bản văn xa rời với cách diễn đạt bằng tiếng Anh. Để tránh bớt bản văn khỏi sự ô nhiễm do sự vô minh của tôi, tôi thường thỉnh ý vị đại tăng đương thời, ngài Song Dahm, trong trường hợp có nhiều nghĩa khác nhau. Tôi cũng đã hỏi ý kiến nhiều vị tăng khác về những lãnh vực mà kiến thức về Hán văn và Phật giáo của tôi còn yếu kém. Các vị ấy không được đề cập ở đây vì sợ rằng sẽ ghép chung các vị ấy vào sự sai quấy của tôi trong những thiếu sót không tránh khỏi của bản dịch này.

Và tôi đã làm việc với bản dịch này trên hai năm rưỡi, mỗi ba tháng lại n gung để nhập thất tham thiền tịnh tu trong ba tháng theo truyền thống mà tôi đã thực hành trong mười sáu năm qua. Cứ ba tháng trở về từ những núi rừng đầy sương mù, Thiền Gia Quy Giám luôn luôn vẫn chờ, và tôi lại cầm lấy, tươi tỉnh với chín mươi ngày chỉ chuyên ròng tham thiền, để nhìn thẳng vào ý nghĩa của nó và việc dịch Anh ngữ của tôi lại bắt đầu. Cách sắp xếp lịch làm việc này kéo dài thời gian hoàn tất công việc cao quý này, nó cũng là ý muốn trang trọng của tôi rằng giai đoạn chia sẻ công việc này với việc tham thiền đã cho bản dịch một chiều sâu sống động, sự tươi mát, thật sự đặt chân vào cuộc sống mà Đại Sư So Sahn chỉ vào và đặt biệt là sự đáng tin cậy.

Tôi xin cảm ơn sự giúp đỡ của cô Sohn Jong-In đã lo cho tôi một cái sườn của bản thảo. Tôi cũng đã được hướng dẫn với một bản dịch không xuất bản do một người bạn thân của

tôi là Charles Mark Mueller thực hiện nhiều năm trước cho dòng Choye của Phật Giáo Đại Hàn. Đó là một bản dịch đầu tiên đã mở ra cho tôi thế giới của ngài So Sahn, và tôi xin cảm ơn những nỗ lực của anh cũng như việc đã rộng lượng cho tôi những ý tưởng ở nhiều điểm trong bản thảo.

Xin cảm ơn mọi người ở Shambhala Publications, đặc biệt là Jonathan Green, Eden Steinberg và Ben Gleason trong việc đánh giá tác phẩm này và sự chu yên môn vô cùng tinh tế về mọi khía cạnh trong việc ấn hành tác phẩm.

Ngày đầu tiên của Kỳ Nhập Thất Tham Thiên Ba Tháng Mùa Đông, 2006
Thiền Đường Joeng Hae Sah, chùa Su Dok Sah, Núi Dok Sueng Sahn, Công Hòa Hàn Quốc.

Hyon Gak Sunim.

Lời Đầu Bản Dịch Tiếng Hàn

Boep Joeng Sunim

Thiền Gia Quy Giám được viết ra do Đại Sư So Sahn Hyu Jeong. Như được đề cập trong lời nói đầu của chính đại sư, cũng như trong lời bạt do đệ tử của ngài là ngài Sam Yong, cuốn sách này không phải hoàn toàn là sáng tác của đại sư. Ngài góp nhặt tinh túy trong giáo lý của đức Phật từ hơn năm mươi bộ Kinh Luận, cũng như những lời dạy và giai thoại của các vị Tổ. Đầu tiên ngài chỉ viết xuống trực tiếp những lời từ các nguồn tài liệu đầu tiên đó. Những năm sau đó, ngài viết thêm chú giải, những bài kệ ngắn, và những lời bình để giúp những đệ tử gặp khó khăn trong việc hiểu những giáo lý cốt lõi.

Qua Thiền Gia Quy Giám chúng ta có thể có được cái nhìn tổng quan sự khác nhau giữa Thiền và Giáo về giáo lý và phương pháp thực hành ở Đại Hàn khoảng bốn trăm năm trước. Đại sư nói về quan điểm của ngài về Thiền và Giáo như sau:

Thiền là tâm Phật, Giáo là lời Phật.

Đức Thích Ca Mâu Ni là cội nguồn của cả Thiền và Giáo, sự khác nhau trong thực hành bắt đầu từ ngài Ma Ha Ca Diếp và ngài A Nan. Thiền dùng không lời để hiển bày ý nghĩa nằm bên sau lời, trong khi đó Giáo dựa vào lời để hiển bày ý nghĩa bên sau lời. Do đó Tâm chính là giáo lý của Thiền, và Lời là giáo lý của Giáo. Pháp chỉ có một vị, nhưng sự khác nhau giữa thể nghiệm và nhận hiểu – bằng khái niệm – cách biệt như trời và đất.

Như vậy ngài cho chúng ta thấy rõ ràng rằng tu Thiền và tu theo kinh điển không phải là hai mà chỉ là một. Đồng thời ngài cũng nói lên một cách rõ ràng sự ưu tiên của kinh nghiệm giác ngộ, và do đó ngài đã ngầm gán cho cho Thiền tính ưu việt trong việc thể hiện giáo lý cốt tủy nhất của Phật Giáo.

Thêm vào đó, Đại Sư So Sahn cũng trình bày rõ ràng quan điểm của ngài về Tịnh Độ Tông, bởi vì truyền thống niệm danh hiệu đức Phật A Di Đà đã bị nhiều thành viên tu Thiền lãng quên hoặc ngay cả còn khinh thị vào lúc bấy giờ. Phê phán một cách tế nhị cái gọi là “Thiền chính thông,” ngài nhấn mạnh lại vai trò của giới luật. Việc này không nhằm mục đích buộc người tu Thiền vào khuôn phép, nhưng mục đích là làm thức tỉnh những người tu Thiền giả tạo cho rằng hết thầy đều không – ngay cả giới luật – ngoài sự giác ngộ.

Những cố gắng của ngài đưa đến kết quả là bản văn ngắn gọn và rõ ràng này không những được coi như chiếc gương soi riêng của Thiền mà còn là một tấm gương soi chung cho tất cả người học Phật. Độc giả chính của tác phẩm này dĩ nhiên là những hành giả đã bước vào đời sống tu sĩ. Nó còn mở ra một con đường bảo đảm một đời sống minh triết cho người tại gia muốn sống với một tâm thức trong sáng và từ bi.

Tác giả thường được gọi là Đại Sư So Sahn vì phần lớn cuộc đời ngài sống ở Núi Myo Hyang, ngày nay ở Bắc Triều Tiên. Một trong những tên gọi truyền thống của núi này là So Sahn (Tây Sơn), và ngày xưa có nhiều ngôi chùa lớn ở đó, với nhiều trăm tăng sĩ thực hành thiền quán. Trên giấy tờ, ngài tự xưng Baek Hwa Do, để ghi nhớ ngôi chùa mà ngài đã trải qua một số tu tập miên mật nhất, chùa Baek Hwa trong dãy núi Kim Cương. Ngài

cũng tự xưng là Do Eun sau khi từ nhiệm chức vụ Giám Luật cho các tông phái Thiên và Luật. Pháp danh của ngài là Hyu Jeong và pháp tự là Cheong Heo.

Ngài sinh ngày hai mươi sáu tháng Ba năm 1520 tại Anju, một thị trấn thuộc tỉnh Pyong - Ahn ngày nay thuộc Bắc Hàn. Ngài mất mẹ từ lúc lên chín tuổi và mất cha vào năm sau. Một vị quan tiếp nhận đứa trẻ mồ côi thông minh với tài năng viết lách cừ khôi này, và nhìn thấy đứa trẻ bước vào ngôi trường đào tạo cao cấp nhất của Triều Tiên lúc bấy giờ là Song Kyun Kwan ở Seoul, một ngôi trường đào tạo về Khổng Giáo được thành lập năm 1308. Đứa trẻ lúc bấy giờ mới mười hai tuổi.

Ngài du hành về miền Nam đến tỉnh Jeolla với sư phụ, nhưng vị sư phụ ngay sau đó trở về Seoul vì song thân qua đời. So Sahn ở lại một mình, và một hôm, ngài tổ chức một cuộc du hành cùng với những người bạn từ ngôi trường trong làng. Trong cuộc du hành, trước tiên ngài đến học kinh Phật với ngài Sung In ở núi Ji Ri. Nhìn thấy con đường nội tâm mà kinh điển chỉ ra, ngài lập tức thực hành tham Thiền dưới sự hướng dẫn của Thiền Sư Bu Yong Yong Kwan. Lúc đó ngài mới tám tuổi. Đến hai mươi một tuổi ngài giải ngộ, và thọ giới để trở thành một tăng sĩ.

Sau tám năm liên tục tu học, một ngày kia khi đang đi qua làng, ngài thành linh giác ngộ khi nghe tiếng gà gáy. Ngài viết một bài kệ nói lên sở ngộ:

*Người xưa há không bảo
Tóc bạc tâm không bạc
Vừa nghe tiếng gà gáy
Việc suốt đời trọn nên.*

Ngài So Sahn dễ dàng vượt qua cuộc sát hạch toàn quốc rất khó khăn để được gia nhập vào đời sống tu sĩ, và không lâu sau được bổ nhiệm lãnh đạo Thiền tông, và sau đó lãnh đạo Giáo tông. Sau ba năm phục vụ, ngài xin từ chức và lui về sống ẩn tu trên núi Kim Cương.

Lúc bấy giờ, một bài thơ của ngài So Shan gây nhiều tranh luận trong quần chúng, có người còn nghi ngờ rằng ngài có nhúng tay vào một số mưu đồ chính trị lúc bấy giờ. Nhưng khi ngài bị đưa vào để thẩm vấn trước vị vua đầy uy quyền, triều đình chẳng tìm thấy gì ngoài sự kích động trước bản chất đơn giản và lòng tư bi tỏa sáng trong cung cách của ngài. Với giọng nói nhún nhường và dịu dàng của ngài, sự việc liền sáng tỏ rằng vị tăng sĩ này không có ý muốn nào trong những sự việc thế tục, và ngài được chính vua Seon Jo ra lệnh tha bổng. Từ đó, nhận ra sự liên hệ nhân duyên, ngài giữ mối quan hệ bạn bè với vị vua trong nhiều năm sau đó.

Nhưng một biến cố xảy ra cho đất nước đã giao phó cho ngài So Sahn một trách nhiệm đặc biệt trong việc bảo vệ nhân dân Triều Tiên. Đó là một nhiệm vụ không phải dành cho tu sĩ, nhưng ngài So Sahn nhận lãnh (mặc dù miễn cưỡng và với một tâm thức không vui) một cách trang trọng để trở thành một nhân vật lịch sử được yêu mến nhất cho đến ngày nay.

Vào năm 1592, Nhật Bản xâm lăng Triều Tiên và tiến hành những cuộc hành quân đẫm máu khắp bán đảo, tiêu hủy hoặc cướp đi những tác phẩm lớn nhất của đất nước gởi về Nhật. Nhân dân Triều Tiên, từ lâu chú trọng việc học Khổng giáo hơn là rèn luyện quân sự, hoàn toàn bất lực trước cuộc tấn công dữ dội. Những người xâm lăng ngang nhiên cướp bóc và di chuyển qua các đô thị, các làng mạc những phụ nữ, vô số tác phẩm văn hóa và những nghệ nhân lớn nhất để đưa về Nhật. Đất nước đứng trước vực thẳm suy vong.

Cho đến thời điểm này, Phật giáo, mà từ nhiều thế kỷ được coi là quốc giáo cho đến khi chính quyền Nho giáo được dựng lên, đã bị những người lãnh đạo Nho giáo chèn ép. Nhưng với nhiều ngàn tăng sĩ trong những tu viện lớn, chính quyền không còn chọn lựa nào khác: Sự rèn luyện và tổ chức có kỷ luật cao của những cộng đồng tu sĩ Phật giáo là khả năng duy nhất cho chính quyền Nho giáo – đã liên tục bỏ chạy trước sự xâm lăng càng ngày càng siết chặt của quân Nhật – để trang bị cho một cuộc chống đỡ có hiệu quả. Đó là một khối nhân lực không thể coi nhẹ.

Những người lãnh đạo Nho giáo thỉnh cầu vị tu sĩ có ảnh hưởng nhất thời bấy giờ đem khối tài nguyên này ra giúp tổ quốc nhưng cơ hội thuyết phục thật rất nhỏ. Làm thế nào những người được rèn luyện trong giáo lý từ bi và không tổn hại có thể bị thuyết phục tham gia vào việc bảo vệ quốc gia – một thực thể thế tục được coi là một phần của thế giới giả tạo của những biểu hiện của luân hồi?

Đại sư So Sahn được biết như là người hòa giải những khuynh hướng trái ngược. Ngài đã thống hợp các tông phái Thiên và Giáo, mặc dù có những sự khác biệt gốc rễ sâu xa. Liệu ngài có thể hòa hợp nỗi hiểm họa sống còn của quốc gia với truyền thống tu viện đặt nền tảng trên giáo lý từ bi và không tổn hại, không sát hại bất cứ một sinh mạng nào?

Ở tuổi sáu mươi chín với con tim trĩu nặng do quyết định của mình, ngài đã đi khắp nơi trong nước để thành lập một đội quân vì công lý và trung nghĩa với hàng ngàn tăng sĩ. Tinh thần kỷ luật, sự ngoan cường và lòng hy sinh của họ cho một mục đích duy nhất là những tính chất đã làm thay đổi chiều hướng cuộc xâm lăng. Quân Nhật bị áp đảo khi nhìn thấy những đoàn quân tu sĩ hành quân qua các làng mạc bảo vệ tổ quốc của họ nhưng không có những hành động tàn bạo với kẻ xâm lăng. Những người tấn công may mắn khi rơi vào tay đoàn quân của ngài So Sahn không bị chém hay đem ra hành hạ (như thói quen đối xử với hầu hết tù nhân lúc bấy giờ), nhưng được đối xử với tình người và lòng từ bi. Còn phải nói rằng sự anh dũng phi thường của “đoàn quân tu sĩ” này ngang ngửa với những người xâm lăng Nhật bản, và còn trội hơn trong nhiều trận đánh lớn.

Đại sư So Sahn và đoàn quân tu sĩ lớn lao của ngài liên tục là một cái gai đối với quân Nhật, và góp phần lớn lao trong việc rút sớm của các lực lượng Nhật ra khỏi bán đảo Triều Tiên. Khi hòa bình được hoàn toàn tái lập, ngài So Sahn được đề cử vào chức vụ cao nhất của Phật Giáo Triều Tiên. Đại tướng Lee Yo-Song, vị chỉ huy trưởng đội quân tăng viện Trung hoa cho Triều Tiên, đã viết những giòng sau đây để tán dương ngài:

*Từ bỏ tiếng tăm và vinh dự vì lợi ích của việc tu Đạo,
Đại Sư đứng lên vì hiểm họa của quốc gia.*

Ngay sau khi Hán Thành được lấy lại và vị vua trở về cung điện, đại sư lại xin từ chức vì tuổi già, và tiến cử hai người đệ tử, ngài Sam Yong và ngài Cheo Yeong. Từ chối những tước hiệu triều đình và những ban thưởng uy quyền thế tục trong chính phủ mới, ngài trở về đời sống tu sĩ, vân du đây đó trong những chốn xa xăm của những rặng núi Kim Cương, núi Ji Ri và núi Myo Hyang như **ột** đám mây. Người ta nói rằng lúc nào ngài cũng có hơn ngàn đệ tử đi theo, chờ đợi từng lời dạy của ngài, trong số đó có trên bảy mươi vị đắc pháp.

Vào ngày hai mươi ba tháng Giêng năm 1604, đại sư ban cho đệ tử vân tập ở chùa Won Jeok Sah ở núi Myo Hyang một thời Pháp. Sau đó, ngài lểc nhìn bức hình của ngài treo trên tường, ngài ngừng giảng, viết xuống một bài kệ. Sau khi viết xong giòng cuối cùng, ngài nhập Niết bàn trong khi vẫn ngồi thẳng trong tư thế thiền định:

*Tám mươi năm trước, cái đó là ta
Tám mươi năm sau, ta là cái đó?*

Tác phẩm của ngài gồm có Gương Thiền (Thiền Gia Quy Giám), Tìm Hiểu Thiền Và Giáo, Tám Gương Cửa Ba Tông Phái, Bàn Thờ Cửa Mây Và Nước, và Cheong-heo Toàn Tập gồm bốn cuốn.

Lần đầu tiên tôi đọc cuốn Thiền Gia Quy Giám là trong kỳ Thiền thất ở trung tâm Do Seol Zen Center tại chùa Hae In Sah. Lúc đó, tôi mượn một bản in ronéo từ một vị sư già. Tôi thấy mỗi lời trong đó đều như sống, là “sinh cú” chân thật mà ngài đã dạy cho đệ tử, một pháp thoại nghiêm túc có thể áp dụng cho mọi hành giả tu Đạo.

Thời gian đó ở Đại Hàn chưa có máy photocopier nên tôi vội vã xuống làng lân cận để tìm mua một cuốn tập học trò, và bắt đầu chép lại bằng tay vào buổi tối với cây bút chì nhỏ gọt bằng dao. Khi tôi chép được nửa cuốn, vị sư già cho tôi mượn sách thấy đèn sáng trong phòng tôi. Khi tôi nói với ngài việc tôi đang làm, ngài mỉm cười nói: “*Nếu anh thích cuốn sách này quá, anh có thể giữ nó.*” Những giọt nước mắt lăn trên má, tôi phục xuống bái tạ ngài. Tôi vẫn cảm ơn lòng lân mẫn của ngài cho đến khi tôi viết những lời này.

Từ đó, lúc nào tôi cũng muốn giúp những bạn đồng tu đọc cuốn sách này.

Vào mùa Thu năm 1961, tôi **ít** đầu dịch tác phẩm gốc của ngài So Sahn từ tiếng Hán sang tiếng Đại Hàn ở chùa Hae In Sah. Sách tham khảo của tôi là tác phẩm gốc Tìm Hiểu Thiền Và Giáo, một tác phẩm tiếng Hán khác của chùa Won Jeok Sah, và bản tiếng Hàn ở chùa Song Gwang Sah. Tôi được sách tấn hơn nữa bởi những sự tương đồng giữa xưa và nay: Hoàn cảnh Phật Giáo Đại Hàn đã thúc giục tác giả viết cuốn sách này bốn trăm năm trước vẫn còn rất thích hợp với hoàn cảnh Phật Giáo Đại Hàn ngày nay.

Bản dịch của tôi được Boep Tong Sah xuất bản lần đầu vào năm 1962 với tựa đề Seonhak-ganhaeng-hoe. Lần tái bản là vào năm 1971 do Hong Boep Won, và nhà xuất bản được chuyển sang Jeong Um Mun Goh vào năm 1976. **Bn** dịch này đã được in ra

nhiều lần và đã được đọc trong cũng như ngoài Phật Giáo, dĩ nhiên chỉ vì ngài So Sahn đã ban cho những lời dạy nghiêm túc.

Những ấn bản Hán ngữ tương tự cuốn sách này gần đây lan tràn với tên của nhiều người dịch và nhiều nhà xuất bản. Gần đây, khi duyệt lại bản dịch này, tôi may mắn có dịp đọc lại bản gốc. Dù chúng ta có nghĩ rằng chúng ta hiểu đến mức nào, những tác phẩm cổ điển lớn luôn luôn truyền cảm hứng mới cho chúng ta mỗi khi chúng ta đọc lại. Tôi cũng đã có cơ hội sửa chữa một số sai lầm trong bản dịch trước. Tôi muốn bày tỏ lòng biết ơn đến nhà xuất bản Dong Jjok Nara đã cho tôi cơ hội so sánh bản dịch trước với bản dịch mới từng chữ một, để có một bản dịch hoàn hảo và sáng sửa hơn.

“Học kinh Phật, nếu không quán xét nơi tâm, dù học 84,000 bộ kinh cũng không ích gì.”

Đó là lời dạy của Đại Sư So Sahn, và với lòng biết ơn sâu xa đối với ngài, tôi gởi gắm chúng vào việc thực hành và quan trọng nhất, sự giác ngộ của tất cả mọi người đang có bản lục này.

Chùa Kil Sang Sah, Hán Thành
Tỳ kheo Boep Joeng Sunim

Lời Tựa

Của Tây Sơn Đại Sư

Người học Phật ngày xưa không nói lời nào không phải là lời Phật, không làm việc gì không phải là việc Phật. Các ngài gìn giữ giáo pháp của Đức Phật truyền qua kinh điển với trọn tâm lòng.

Người học Phật ngày nay tung đọc liền thoáng, và hầu như quá tôn trọng những tác phẩm của các học giả thế tục và tác phẩm cổ Trung hoa, tìm cầu và gắn bó với thơ phú của các quan chức triều đình. Họ có những bản viết trên giấy màu và trang trí lộng lẫy lụa hoa mỹ. Họ không bao giờ thỏa mãn với những loại văn chương này, và coi chúng là những của cải quý giá nhất. Của cải của người học Phật ngày xưa và của cải của người học Phật ngày nay sao mà khác nhau!

Mặc dù thiếu khả năng, tôi vẫn yêu mến những tác phẩm xưa và coi những lời trong kinh điển là của cải lớn nhất của tôi. Nhưng những tác phẩm này thì bao la, và biển kinh điển thì mênh mông. Tôi lo rằng người đồng hành tu đạo trong tương lai phải nhọc công vô ích trong việc giầy dạn quá nhiều cành nhánh để có thể thấu hoạch được những quả thật sự nuôi dưỡng được mình.

Để giúp người học không phải trải qua những khó khăn và phiền phức không cần thiết đó, tôi sưu tập ở đây thành một cuốn sách vài trăm chữ từ những tác phẩm cốt tủy và truyền cảm nhất cho sự tu tập. Những lời sơ sài, có thể nói là quá đơn giản, nhưng nghĩa lý thật hoàn hảo. Nếu coi tập sách này như một người chỉ đường và theo đuổi những chân lý trong đó đến cùng với mục đích thấu đạt ý nghĩa sâu màu của pháp, người học sẽ gặp một Đức Phật sống hiện ra từ mỗi câu. Do đó hãy chiêm nghiệm tập sách này bằng mọi cách.

Và tuy người học có thể học những lời, những câu trong cuốn sách này, nhưng nếu thấu đạt được một chữ vượt ngoài mọi kinh sách thì tốt hơn nhiều. Đó là kho tàng bí ẩn bên ngoài mọi hình tướng. Hãy từng phút từng giây chờ đợi một cơ hội đặc biệt để nó tự thể hiện.

Mùa Hè, niên hiệu Gap Ja
Triều đại Ga Jeong (1564)
Tại am Cheong Heo,
Hành giả
Baek Hwa [một trong những tên của ngài So Sahn]

GUƠNG THIÊN (Thiền Gia Quy Giám)

(1)

Có một vật, từ vô thủy đến nay, sáng sửa ần mật, chưa từng sanh, chưa từng diệt, gọi tên không được, diễn tả không được.

Một vật đó là vật gì?

Người xưa có bài tụng:

*Khi Cổ Phật chưa sanh
Một vật đã toàn nên
Thích Ca cũng không hiểu
Ca Diếp lấy gì truyền?*

(古佛未生前

凝然一相圓

釋迦猶未會

迦葉豈能傳

Cổ Phật vị sanh tiền

Ngưng nhiên nhất tướng viên

Thích Ca do vị hội

Ca Diếp khởi năng truyền?)

Vật đó không sanh, không diệt, gọi tên không được, diễn tả không được.

Lục Tổ dạy chúng: “Ta có một vật không tên không tướng, có ai biết là vật gì?” (1) Thiền sư Thần Hội liền trả lời: “Nguồn gốc chư Phật, Phật Tánh của Thần Hội.” (2) Do đó Thần Hội chỉ là con giòng thứ của Lục Tổ (không được truyền tâm ấn).

Thiền sư Hoài Nhượng từ Tung Sơn đến, Lục Tổ hỏi: “Vật gì từ đâu đến?” (3) Sư không trả lời được. Đến tám năm sau mới trả lời: “Nói giống một vật là không trúng” (4) Do đó Hoài Nhượng trở thành con giòng chính của Tổ.

Thánh nhân Tam Giáo

Ra từ câu này

Ai muốn tỏ bày

Lông mày rụng sạch.

(三教聖人

從此句出

誰是舉者

惜取眉毛

Tam giáo Thánh nhân

Tòng thử cú xuất

*Thùy thị cử giả
Tích thủ mi mao.)*

(2)

Phật, Tổ xuất hiện trong đời, không gió nổi sóng.

Phật, Tổ tức Thế Tôn và Ca Diếp. Các ngài xuất hiện trong đời vì tâm đại bi cứu độ chúng sanh.

Nói về một vật thì đó là khuôn mặt xưa nay người người đều tròn đủ, sao lại mượn bột phấn mà trét thêm vào? Do đó, sự xuất thế của Phật, Tổ giống như không có gió mà sóng khởi lên. Kinh Hư Không Tạng nói: “Chữ nghĩa là nghiệp ma, danh tướng là nghiệp ma, cho đến lời Phật cũng là nghiệp ma.” (1)

Ý muốn nói: Tự mình làm tròn, Phật, Tổ không dính dáng.

*Đất trời trở tối
Mặt trời mặt trăng không ánh sáng.
(乾坤失色。
日月無光。
Kiên khôn thất sắc
Nhật nguyệt vô quang.)*

(3)

Pháp có nhiều nghĩa, người có nhiều căn cơ, do đó ứng dụng không ngại.

Pháp là Một Vật, người là chúng sanh (do các duyên sinh ra). Pháp có nghĩa theo duyên mà không biến đổi, người thì có khả năng nhanh chậm khác nhau. Do đó không ngại áp dụng nhiều phương tiện ngữ ngôn, như câu: “Quan không dung tội gian lận một cây kim nhưng tư thông cả xe.” (1)

Chúng sanh tuy đã viên thành nhưng không ở mắt tuệ nên chịu sự luân chuyển (trong sáu đường). Do đó, nếu không dùng kiếm xuất thế (kiếm trí tuệ), làm sao gọt sạch lớp vỏ dày vô minh? Vượt biển khổ để đi đến bờ vui đều nhờ ân đức đại bi (của Phật, Tổ), dùng vô số thân mệnh như cát sông Hằng cũng khó báo đền.

Trên đây là nói ân sâu của Phật, Tổ đối với chúng ta.

*Vua lên điện báu
Già què hát ca.
(王登寶殿。
野老謳歌。*

*Vương đăng bảo điện,
Dã lão âu ca.)*

(4)

Tạm lập các tên gọi, hoặc Tâm hoặc Phật hoặc chúng sanh, nhưng không nên bám vào danh tự mà hiểu. Thế thật ngay đó, khởi niệm liền sai.

Một Vật tạm lập ba tên gọi, Hiền giáo bắt đắc dĩ lập ra. Thiền dạy không nên bám vào tên gọi mà hiểu.

Nâng lên, hạ xuống, tạo ra, phá đi, đều là hành động tự tại của đấng Pháp Vương.

Ở trên là nói về các phương tiện của chư Phật, Tổ.

*Nắng lâu gặp mưa tốt
Phương xa gặp người xưa.*

(久旱逢佳雨。

他鄉見故人。

*Cứu hạn phùng giai vũ
Tha hương kiến cố nhân)*

(5)

Thế Tôn ba lần (chón) truyền Tâm lập nên tông chỉ Thiên ⁽¹⁾. Những lời dạy suốt đời của Phật lập nên Giáo. Vì vậy nói rằng Thiên là Tâm của Phật, Giáo là Lời của Phật.

Ba lần đó là: lần thứ nhất tại tháp Đa Từ khi Đức Phật chia chỗ ngồi cho Ma Ha Ca Diếp, lần thứ hai tại Pháp hội Linh Sơn đưa cành hoa, lần thứ ba dưới hai cây sa la đưa chân ra ngoài quan tài. Đó là truyền riêng cho ngài Ca Diếp ngọn đèn Thiên.

Trong bốn mươi chín năm, Phật thuyết gồm Năm Giáo. Thứ nhất là Nhân Thiên giáo, thứ hai là Tiêu Thừa giáo, thứ ba là Đại Thừa giáo, thứ tư là Đốn giáo, thứ năm là Viên giáo. Ngài A Nan lưu thông biển Kinh Giáo này.

Khởi đầu của Thiên và Giáo là đức Thế Tôn. Phân ra Thiên và Giáo là Ca Diếp và A Nan.

Lấy không lời để tỏ bày cái không lời là Thiên. Lấy có lời để tỏ bày cái không lời là Giáo. Tâm là phương pháp của Thiên, Lời là phương pháp của Giáo. Do đó Pháp tuy một vị, sự nhận biết thì cách nhau như trời với đất.

Trên đây là nói về hai con đường Thiên và Giáo.

*Đừng nên buông thả
Sinh thân bò trườn.*

(不得放過。

艸裏橫身。

Bất đắc phóng quá

Thảo lí hoành thân.)

(6)

Do đó nếu chỉ theo lời (lạc mắt trong lời) thì việc đưa hoa mỉm cười (niêm hoa vi tiếu) cũng chỉ là dấu vết của Giáo. Từ Tâm mà được thì lời dỡ lời hay của thế gian đều là Thiên truyền riêng ngoài giáo.

Pháp không có tên nên bị kh ông đến được, Pháp không hình tướng nên tâm không đến được. Khi vừa nói ra liền đánh mất tâm vương nguyên thủy. Mất tâm vương nguyên thủy thì việc Thế Tôn đưa cành hoa ngài Ca Diếp mỉm cười cũng rơi vào lời phô, rốt cuộc rỗng không.

Đạt được bằng Tâm thì không những lời nói khoe khoan ngạo mạn cũng nói lên Pháp yếu, cho đến tiếng chim tiếng thú cũng nói lên Thật Tướng. Do đó, Thiền sư Bảo Tích (1) nghe tiếng khóc giác ngộ vui mừng, Thiền sư Bảo Thọ (2) thấy đánh nhau liền nhận rõ diện mục.

Trên là làm rõ sự sâu cạn của Thiên, Giáo.

Ngọc sáng trên tay

Mân mê lui tới.

(明珠在手。

弄去弄來。

Minh châu tại thủ

Lộng khứ lộng lai.)

(7)

Ta có một lời:

Dứt nghĩ quên duyên

Tự nhiên vô sự

Xuân về cỏ xanh.

(吾有一言。

絕慮忘緣。

兀然無事坐。

春來草自青。

*Ngô hữu nhất ngôn
Tuyệt lự vong duyên
Ngột nhiên vô sự tọa
Xuân lai thảo tự thanh.)*

Dứt nghĩ quên duyên đạt được Tâm, gọi là nhân đạo nhân (đạo nhân không còn gì phải thực hành). Thật là tuyệt. Xưa nay không vương bận, xưa nay đều vô sự. Khi đói thì ăn, khi buồn ngủ thì ngủ. Nước biếc núi xanh tùy ý tiêu diêu, thôn chài hang rợu tự tại an giấc. Năm tháng trôi qua không cần biết, Xuân đến như xưa cỏ tự xanh.

Trên nói về nhất niệm hồi quang (niệm khởi liền biết).

*Toan bảo không ai
Lại có một người.
(將謂無人。
賴有一箇。
Tương vị vô nhân
Lại hữu nhất cá.)*

(8)

Giáo môn chỉ truyền pháp môn Nhất Tâm. Thiên môn chỉ truyền pháp môn Kiến Tánh.

Tâm như thể của gương, Tánh như ánh sáng của gương. Tánh tự trong sạch. Ngay lập tức trở lại tâm nguyên thủy.

Ở đây nhấn mạnh về nhất niệm.

*Trùng trùng núi cùng nước
Nếp nhà cũ sạch lâu.
(重重山與水。
清白舊家風。
Trùng trùng sơn dữ thủy
Thanh bạch cựu gia phong.)*

BÌNH:

Tâm có hai loại: Tâm bản nguyên và tâm vô minh chấp tướng. Tánh có hai loại: Pháp Tánh bản nguyên và tánh đối lại tướng. Do đó cả Thiên và Giáo đều mê khi dựa vào danh để hiểu, hoặc lấy cạn làm sâu, hoặc lấy sâu làm cạn. Tất cả đều là bệnh lớn trong cái thấy và việc làm, do đó cần nói rõ.

(9)

Chư Phật nói Kinh, trước phân biệt các pháp, sau nói về tánh Không cứu cánh. Sự khai mở của Tổ Sư không để dấu vết trên đất ý niệm, chân lý bày rõ ở nguồn Tâm.

Chư Phật là nơi nương tựa cho vạn đời nên theo cách có thể truyền đạt. Tổ Sư độ thoát tức thời, do đó trao truyền bí mật. Dấu vết: lời của Tổ Sư gọi là dấu vết. Ý: sự suy nghĩ của người học.

Bày tỏ loạn cuồng

Tay không cong ngược.

(胡亂指注。

臂不外曲。

Hồ loạn chỉ chú

Tí bất ngoạ khúc)

(10)

Cách chư Phật dạy như cây cung, cách Tổ Sư dạy như dây cung. Phật nói các pháp vô ngại quy về một vị. Chạm vào dấu vết Một Vị đó, liền hiện Nhất Tâm mà Tổ Sư tỏ bày. Do đó nói: thoạt đầu “cây tùng trước sân” không tìm thấy trong hang rồng (nơi giữ Kinh). (1)

Nói cung là cong, nói dây là thẳng. Kho Ròng là nơi chứa Kinh ở Long cung. Vị Tăng hỏi ngài Triệu Châu: (2) “Ý của Tổ Sư từ Tây qua là gì?” Ngài Triệu Châu đáp: “Cây tùng trước sân.” Cho nên nói tông chỉ của Thiền ở ngoài khuôn mẫu.

Cá lợi đục nước

Chim bay rụng lông.

(魚行水濁。

鳥飛毛落。

Ngư hành thủy trọc

Điểu phi mao lạc)

(11)

Do đó, người học trước tiên học hiểu giáo lý như thật của Phật, phân biệt rõ ràng hai chân lý bất biến và tùy duyên, là Tánh và Tướng của Tự Tâm. Cả hai môn đốn ngộ và tiệm tu đều là khởi đầu và chung cùng của việc tu tập. Sau đó mới bỏ giáo nghĩa, nơi nhất niệm hiện tiền của Tự Tâm mà tham, cuối cùng tất sẽ có kết quả, đó là thoát thân vào con đường sống (con đường sống để thoát thân).

Người trí tuệ căn cơ lớn không cần phải ở trong giới hạn đó. Người căn cơ trung và thấp không thể vượt qua giới hạn đó.

Hiền Giáo dạy bất biến mà tùy duyên, đốn ngộ và tiệm tu có trước có sau. Với Thiên, trong một niệm bất biến tùy duyên, Tánh và Tướng, Thể và Dụng vốn cùng một lúc. Vì vậy rời có rời không.

Do đó các vị Tổ Sư rời lời nói mà chỉ thẳng, một niệm thấy Tánh thành Phật. Đó là buông bỏ giáo nghĩa.

*Ngày sáng rỡ ràng
Mây ẩn hố sâu.
Ở nơi sâu kín
Nhật chiếu tạnh không.*

(明歷歷時

雲藏深谷。

深密密處

日照晴空。

Minh lịch lịch thời

Vân tàng thâm cốc.

Thâm mật mật xứ

Nhật chiếu tạnh không.)

(12)

Người tu Thiên nên tham cứu câu sống (hoạt cú), không nên tham cứu câu chết (tử cú). (1)

Từ nơi hoạt cú mà được thì trở thành bậc ngang hàng với Phật, Tổ. Chạy theo tử cú thì tự cứu cũng không xong.

Do đó chỉ từ hoạt cú mới có hy vọng tự ngộ nhập.

Muốn gặp Lâm Tế (2)

Nên là người sắt.

(要見臨濟。

須是鐵漢。

Yếu kiến Lâm Tế

Tu thị thiết hán.)

BÌNH:

Thoại đầu có hai cửa vào: tham cứu thoại đầu theo con đường trực chỉ gọi là hoạt cú (câu sống), không theo ý niệm, không nương vào lời, không có gì để nắm giữ. Tham cứu thoại

đầu bằng ý niệm là thực hành giáo lý viên đốn bằng cách bám vào tử cú (câu chết), còn lý luận, còn ngôn ngữ, còn hiểu biết bằng tư tưởng, ý niệm.

(13)

Tham cứu công án phải với tâm khẩn thiết, như gà ấp trứng, như mèo rình chuột, như đói muốn ăn, như khát muốn uống, như con thơ nhớ mẹ, tất sẽ có lúc thấu triệt.

Công án của Tô Sư có một nghìn bảy trăm tắc. Như các công án: “Con chó không có Phật tánh;” (1) “Cây tùng trước sân;” “Ba cây gai;” (2) “Que đánh cút khô” v.v... Gà ấp trứng: khí ấm của trứng được giữ liên tục không dứt. Mèo rình chuột: tâm và mắt không động. Cho đến đói nghĩ đến ăn, khát nghĩ đến uống, trẻ thơ nhớ mẹ. Tất cả những thứ đó đều phát ra từ tâm chân thật, không phải từ tâm hời hợt. Cho nên nói là khẩn thiết. Tham Thiền không có tâm khẩn thiết mà có thể thấu triệt thì không thể có.

(14)

Tham Thiền cần hội đủ ba điều quan trọng: thứ nhất là có Lòng Tin lớn, thứ hai là có Lòng Mong Cầu lớn, thứ ba là có Tâm Nghi lớn. Nếu thiếu một trong ba điều đó thì giống như chiếc đỉnh gãy chân, trở thành vật vô dụng.

Phật dạy: “Muốn thành Phật, đức tin là căn bản.” Ngài Vĩnh Gia nói (1): “Người tu đạo trước tiên lập chí.” Ngài Mông Sơn (2) nói: “Người tham Thiền không phát khởi Nghi Tinh là bệnh nặng.” (3) Lại nói: “Nghi lớn tất sẽ có ngộ lớn.” (4)

(15)

Hằng ngày theo duyên chỉ cứ câu thoại đầu “Con chó không có Phật Tánh.” Cứ tới cử lui, nghi tới nghi lui. Khi giác ngộ rồi thì không còn lý lẽ, không còn khái niệm, không còn ham thích món ăn ngon. Đó là lúc rũ bỏ thân và mệnh. Cũng là nền tảng để thành Phật, làm Tổ.

Một vị Tăng hỏi Triệu Châu: “Con chó có Phật Tánh hay không?” (1) Ngài Triệu Châu đáp: “Vô”. (2) Một chữ này là công vào Tông môn. Nó cũng là dụng cụ phá hủy vô số hiểu biết sai lầm. Cũng là mặt mũi của chư Phật, cũng là cốt tủy của chư Tổ. Qua được công này sau đó mới có thể thành Phật, thành Tổ.

Người xưa có bài tụng:

*Kiểm bén của Triệu Châu
Sáng lánh như sương băng*

*Suy nghĩ hỏi thế nào
Cắt thân làm hai khúc.*

(趙州露刃劍。

寒霜光燄燄。

擬議問如何。

分身作兩段。

Triệu Châu lộ nhận kiếm

Hàn sương quang diễm diễm

Nghĩ nghị vấn như hà

Phân thân tác lưỡng đoạn.)

(16)

Khi cử thoại đầu không nên tìm ra giải đáp hợp lý, cũng không nên dùng tư tưởng suy nghĩ, cũng không từ mê trông chờ giác ngộ. Đến lúc ý không còn chỗ để suy nghĩ, tâm không còn chỗ để bước vào, giống như con chuột già lọt vào chiếc bẫy sừng trâu, lùi không được, tiến không được. Thật là vô minh khi toan tính tìm kiếm, luân lưu trong sinh tử, trong sự sợ hãi kinh hoàng. Người đời nay không biết đó là bệnh, không ngừng ra vào trong đó.

Thoại đầu có mười thứ bệnh: dùng ý niệm để suy lường, dương mày nháy mắt (bắt chước Thầy), dùng ngôn ngữ để nắm bắt, tìm bằng chứng trong văn tự, bắt chước sự biểu lộ lấy làm của mình, rơi vào chấp không xả bỏ mọi thứ, phân biệt có không, rơi vào tuyệt đối không, rơi vào lý lẽ, khởi tâm mong cầu giác ngộ.

Rũ bỏ mười căn bệnh này, khi cử thoại đầu giữ tinh thần phân chấn, giữ chắc Tâm Nghi (Nghi Tĩnh), nhắm thẳng vào câu hỏi “cái đó là gì?” (1)

(17)

Giống như muỗi chích vào trâu sắt, không thắc mắc làm cách này hay cách kia, cứ cắm vòi vào chỗ không thể cắm bắt kể thân mệnh, toàn thể thân mệnh thấu nhập trong đó.

Đây là nói lại ý trên, khiến cho người tham cứu hoạt cú (câu sổng) không lùi bước. Một vị Thầy ngày xưa nói: “Tham thiền nên tận ngộ Tổ Sư, diệu ngộ cốt đến chỗ hết đường tâm ý.” (1)

(18)

Tu tập giống như điều chỉnh dây đàn, căng giãn để được chỗ quân bình. Căng mãi thì gần với chấp trước, xao lãng thì rơi vào vô minh. Chỉ nên giữ tịch tịnh sáng láng, tiếp nối không dừng.

Người chơi đàn nói: Giản căng được quân bình thì tiếng đàn sẽ hay. Việc tu tập cũng như vậy. Căng thẳng thì làm động máu huyết (bị kích thích quá đáng), lơ là thì rơi vào hang quỷ (lu mờ). Không chậm không nhanh, khéo léo ở chỗ giữa.

(19)

Khi công phu đến chỗ đi không biết là đi, ngồi không biết là ngồi, khi đó bốn vạn tám ngàn thiên ma nơi sáu căn theo tâm mà sanh. Tâm ấu không khởi, nương đâu mà sanh!

Ma là tên loài quỷ ưa vui sinh tử. Tám vạn bốn ngàn ma quân là tám vạn bốn ngàn phiền não của chúng sanh. Ma vốn không có loài, người tu hành đánh mất chánh niệm là nguyên do sinh ra ma. Chúng sanh nương theo cảnh nên ở trong ma cảnh. Người tu đạo không theo cảnh nên nghịch với ma. Vì vậy nói rằng: Đạo cao ma thịnh.

Trong thiền định hoặc thấy người con hiếu (người đưa tang) dẫn vào đui, hoặc thấy heo kéo mũi (1), cũng là do từ trong tâm khởi lên mà thấy cảnh ma bên ngoài. Tâm nếu không khởi thì bao nhiêu tài nghệ của ma quân cũng trở thành như chém dao vào nước, như xua đuổi ánh sáng. Người xưa nói: “Lỗ hồng trên vách khiến có gió động, lỗ hồng trong tâm khiến ma lọt vào.” (2)

(20)

Khởi tâm là thiên ma, không khởi tâm là ám ma (ngũ ám ma), vừa khởi vừa không khởi là phiền não ma. Trong Chánh Pháp vốn không có việc như vậy.

Vô tâm là Phật Đạo, phân biệt là cảnh giới ma. Do đó cảnh ma giống như chuyện chiêm bao, cần gì phải tốn sức luận bàn?

(21)

Công phu khi đã gồm thành một khối, nếu đời này không thấu đạt, đến lúc nhắm mắt cũng không bị ác nghiệp dẫn đi.

Nghiệp tức là vô minh. Thiền là Bát nhã (Trí Tuệ). Sáng và tối không cùng hiện hữu là lý tự nhiên.

(22)

Người tu Thiền nên luôn tự hỏi: Có biết đến bốn ân sâu dày chăng? Có biết rằng thân thể đơ dáy do bốn đại hợp thành đang suy hoại trong từng niệm niệm chăng?

Có biết rằng sinh mệnh con người tùy thuộc vào hơi thở chẳng? Sinh ra có được gặp Phật, Tổ chẳng? Khi nghe Pháp Vô Thượng có sinh tâm khó gặp chẳng? Không rời Tăng đường để giữ hạnh trong sạch chẳng? Không cùng người chuyện trò tạp nhạp chẳng? Có hay bàn chuyện thị phi chẳng? Thoại đầu có được rõ ràng không lu mờ liên tục trong mọi lúc chẳng? Khi nói chuyện cùng người, thoại đầu có không bị gián đoạn chẳng? Khi thấy nghe nhận biết, thoại đầu có gom thành một khối chẳng? Sự quán chiếu có bắt được và đánh bại Phật, Tổ chẳng? Đời này có quyết định tiếp nối tuệ mệnh của Phật chẳng? Khi đứng ngồi thoải mái có nghĩ đến nỗi khổ địa ngục chẳng? Có quyết định thoát khỏi luân hồi trong một báo thân này chẳng? Đối với cảnh tám ngọn gió (1), tâm có không động chẳng?

Đó là những điều quan trọng mà người tu Thiền phải quán sát hằng ngày. Người xưa nói:

*Thân này không quyết đời này độ
Đợi đến đời nào độ thoát thân?
(Thử thân bất hướng kim sanh độ,
Cánh đãi hà sanh độ thử thân.)*

Bốn ân là ân cha mẹ, ân nước nhà, ân thầy dạy và ân thí chủ. Thân tứ đại dơ nhớp: tinh cha hòa với huyết mẹ tạo chất ướt (thủy đại); tinh cha tạo ra xương, huyết mẹ tạo ra da là chất cứng (địa đại); một khối tinh huyết không hư không hủy là hơi ấm của chất nóng (hỏa đại); lỗ mũi trước tiên được sinh ra để hơi thở ra vào thuộc sự động của gió (phong đại).

Ngài A Nan nói: “Khí ham muốn thô dơ hôi tanh gặp nhau sinh ra thân dơ nhớp.” (2)

Thân thể suy mục từng giây, thời gian trôi đi không ngừng, da mặt nhăn nheo, tóc trở nên trắng. Bây giờ không giống như xưa, về sau không giống bây giờ. Đó là thể của vô thường. Quí vô thường lấy sát hại làm vui. Thật là mỗi phút giây đều đáng sợ. Hơi thở ra là lửa, hơi thở vào là gió. Thân mệnh con người chỉ tùy thuộc vào hơi thở ra vào. Tám gió là các cảnh thuận, nghịch trong đời sống. Khổ địa ngục: một ngày một đêm ở địa ngục dài bằng sáu mươi kiếp ở nhân gian, nấu trong nước sôi, đốt trong lò lửa, thả vào rừng kiếm, núi đao, không thể nào diễn tả hết được.

Thân người khó được giống như tìm kim trong bi ền. Cảnh đáng xót thương đó khá nên cảnh tỉnh.

BÌNH:

Những lời Pháp ở trên giống như người uống nước nóng lạnh tự biết. Dù thông minh cũng không thể chống lại nghiệp. Huệ khô (cần huệ: trí thông minh bằng khái niệm) không giúp thoát khỏi vòng khổ đau. Quí vị nên suy xét, đừng tự nên tự mãn.

(23)

Người học theo chữ nghĩa, khi nói thì giống như đã giác ngộ, nhưng khi đối diện với sự việc hằng ngày thì trở lại mê mờ. Đó là lời nói và hành động trái nhau.

Ở đây triển khai ý tự mãn đề cập ở trên. Lời nói và hành động khác nhau, có thể phân biệt thật, giả.

(24)

Muốn chiến thắng sanh tử, phải từ nơi nhất niệm phá thùng để thấu suốt được sanh tử.

Thùng sơn bị phá vỡ phát ra tiếng. Khi phá vỡ thùng sơn thì sanh tử mới có thể đương đầu. Nhân địa tu hành của chư Phật cũng chỉ như vậy.

(25)

Sau khi nhất niệm được phá thùng, nên cầu minh sư chứng minh chánh nhãn (cái thấy đúng).

Việc này không phải dễ. Cần phải có tâm rất khiêm tốn với cái thấy đầu tiên. Đạo giống như biển lớn, càng vào càng sâu. Cần thận đừng lấy chút ít cho là đủ. Sau khi ngộ nếu không tìm thầy chứng minh thì vị ngon ngọt của đề hồ sẽ trở thành thuốc độc.

(26)

Người xưa nói: “Chỉ trọng cái thấy đúng, không trọng cách hành xử.”

Xưa Ngưỡng Sơn khi được thầy là Quy Sơn (1) hỏi, đáp: “Kinh Niết Bàn bốn mươi quyển thầy đều là ma thuyết. Đó là cái thấy chân chánh của Ngưỡng Sơn.” (2) Ngưỡng Sơn lại hỏi về sự hành xử, Quy Sơn đáp: “Chỉ trọng thấy đúng.” (3) Do đó, trước tiên phải có cái thấy đúng, sau đó mới nói đến cách hành xử. Do đó nói: “Nếu muốn tu hành, trước cần đốn ngộ.” (4)

(27)

Nguyện chư vị tu đạo tin sâu Tâm mình, không tự hạ, không tự cao.

Tâm này bình đẳng, vốn không phạm, thánh. Nhưng người có mê ngộ khác nhau nên gọi là phạm, thánh. Nhờ Thầy chỉ dạy liền ngộ cái ngã chân thật thì cùng với chư Phật không khác gọi là đốn (ngộ tức thì.) Do đó không tự hạ. Như nói: “Xưa nay không một vật.”

Do ngộ mà dứt trừ các thói quen xấu, chuyển từ phàm sang thánh, đó là tiệm tu (tu từ từ). Do đó không tự cao. Như nói: “Giờ giờ thường lau chùi.”

Tự hạ là bệnh của người học theo Giáo, tự cao là bệnh của người tu Thiên.

Người tu theo Giáo không tin bí quyết ngộ nhập của nhà Thiên, chìm sâu trong giáo pháp phương tiện, chấp có thật giả, không tu thiên quán để khám phá ra châu báu nơi chính mình. Do đó sanh tâm yếu kém.

Người học Thiên thì không tin vào Kinh giáo, do đó không tin kinh điển dạy về sự tiệm tu và giảm trừ tập khí, nhiệm tập khởi lên mà không hổ thẹn, quả mới ở bước đầu mà đã sinh nhiều kiêu mạn, lời nói ngạo nghễ.

Vì vậy, người tu hành đúng đắn không tự hạ, không tự cao.

BÌNH:

Nơi sơ tâm, nhân gom đủ trong quả, chỉ tin vào một vị (tự tánh), không tự hạ không tự cao. Các vị Bồ tát đạt được quả bằng sự tu tập trải qua năm mươi lăm tầng bậc.

(28)

Dùng tâm mê tu chỉ giúp cho vô minh.

Chưa tỏ ngộ làm sao nói được là tu hành chân thật! Giác ngộ và tiệm tu như dầu và ánh sáng (lửa) tương quan nhau, mắt và chân nương tựa nhau.

(29)

Nền tảng của sự tu hành chỉ là chấm dứt ý niệm phàm tình, không phải đi tìm sự hiểu biết của bậc thánh.

Bệnh hết thì không còn cần thuốc. Chỉ cần trở lại con người xưa kia.

(30)

Không từ bỏ tâm chúng sanh, chỉ đừng làm nhiễm ô tự tánh. Cầu Chánh pháp là tà.

Từ bỏ hay tìm cầu đều là nhiễm ô.

(31)

Dứt trừ phiền não là Nhị Thừa. Phiền não không sanh là Đại Niết bàn.

Dứt trừ thì có chủ (năng) có khách (sở). Không sanh thì không chủ không khách.

(32)

Tỏ rõ sự tự chiếu trống không của tâm, tin rằng một niệm khởi lên là do duyên khởi, vốn không có sanh.

Đây là nói làm sao thấy rõ tự tánh.

(33)

Quán sát rõ tột cấp, tà dâm, nói dối đều từ tâm mà ra. Tâm vốn tịch lặng có gì phải dứt trừ!

Nói rõ sự tương quan giữa tánh và tướng.

BÌNH:

Kinh nói: “Một niệm không khởi gọi là đoạn trừ vô minh.” (1) Lại nói: “Niệm khởi liền biết.” (2)

(34)

Biết huyễn tức lia, không cần phương tiện. Lìa huyễn tức giác, không có trước sau.

Tâm là thầy huyễn, thân là thành huyễn, ngoại cảnh là áo huyễn, danh tướng là thức ăn huyễn. Cho đến tâm khởi lên một ý niệm, nói chân nói vọng, đều không ra ngoài huyễn.

Những cái huyễn vô minh vô thủy này đều sanh ra từ tâm giác ngộ, giống như hoa đóm sinh ra trong hư không. Khi huyễn không còn thì gọi là bất động. Trong mơ thấy có nhọt thì cầu thuốc, thức ra thì không còn bệnh. Biết huyễn cũng giống như vậy.

(35)

Chúng sanh ở trong chỗ không sanh làm thấy có sinh tử và niết bàn, giống như thấy hoa đóm sinh ra và biến mất trong hư không.

Tánh vốn không sanh nên không có sanh, diệt. Không trung vốn không có hoa nên không có sinh ra, biến mất. Khởi vốn thật không khởi, diệt vốn thật không diệt. Hai cái thấy này

không cần phải luận bàn. Kinh Tur Ích nói: “Chư Phật ra đời không phải để độ chúng sanh, chỉ muốn độ hai cái thấy sinh tử và niết bàn.” (1)

(36)

Bồ Tát độ chúng sanh vào cảnh giới tịch diệt (niết bàn), nhưng thật không có chúng sanh nào được diệt độ.

Bồ Tát luôn luôn vì chúng sanh. Biết thể của niệm là không mà độ chúng sanh. Niệm vốn rỗng lặng, thật không có chúng sanh nào được diệt độ. Đây là nói về tin và hiểu (tín giải).

(37)

Lý tuy đốn ngộ (ngộ ngay), sự không thể đốn trừ (trừ ngay).

Văn Thủ thấu pháp tánh, Phổ Hiền rõ duyên khởi. Thấu hiểu nhanh như điện chớp, tu như kẻ cùng tử (người nghèo khó). Ở đây luận về tu và chứng.

(38)

Tu Thiền mà còn tà dâm như nấu cát để được cơm, tu Thiền mà còn giết hại như bịt tai mà cầu tiếng, tu Thiền mà còn trộm cắp như rò chảy mà cầu đầy, tu Thiền mà còn nói dối như lấy phấn làm chất thơm. Dù có nhiều trí đều thành ma đạo.

Đây là nói rõ về khuôn phép tu hành Tam Vô Lậu Học. Tiểu Thừa lấy pháp (hình tướng bên ngoài) làm giới, chữa thô nơi ngọn. Đại Thừa lấy nhiếp tâm làm giới, khéo trừ tận gốc.

Lấy pháp làm giới thì không phạm nơi thân, nhiếp tâm làm giới thì không phạm trong ý. Tà dâm thì dứt sự thanh tịnh, giết hại thì dứt tâm từ bi, trộm cắp thì dứt phước đức, nói dối thì dứt chân thật. Dù có đạt được trí tuệ, chứng được sáu thần thông, nếu không dứt trừ giết hại, trộm cắp, tà dâm, nói dối thì cũng sẽ rơi vào đường ma, vĩnh viễn mất con đường Bồ đề chân chính.

Bốn giới này là căn bản của trăm giới, nói rõ ở đây để không nghĩ và phạm. Không nhớ gọi là Giới, không nghĩ gọi là Định, không làm lẫn gọi là Tuệ.

Giới để bắt giặc, Định để trói giặc, Huệ để giết giặc. Giới giữ vững, Định lắng trong thì mặt trăng Trí Tuệ xuất hiện.

Ba cửa học này là gốc của vạn pháp. Do đó nói rõ để tránh bị rỉ chảy. Hội Linh Sơn lại có Phật khinh suất lời dạy của mình, núi Thiếu lâm lại có Tổ vọng ngữ sao?

(39)

Người không đức không theo giới luật của Phật, không giữ gìn ba nghiệp, buông lung lưỡi biếng, coi thường người khác, coi nhẹ phải trái.

Một khi phá giới dù phá ở trong tâm thì trăm lỗi làm liền sanh.

BÌNH:

Thời mạt pháp các thứ ma thịnh hành làm loạn Chánh Pháp.

(40)

Người học nên rõ: nếu không giữ giới, tái sanh làm thân dã can ghẻ còn khó thay huống là chứng quả Bồ đề thanh tịnh!

Trọng giới giống như trọng Phật thì Phật thường hiện tiền. Nên bắt chước vị tăng bị trời vào cỏ (1) và vị tăng thấy ngỗng nuốt châu (2).

(41)

Muốn thoát sinh tử trước phải dứt trừ tham muốn và khát ái.

Ái là gốc của luân hồi, tham muốn là duyên của thọ sanh. Phật dạy: “Tâm dâm không trừ thì không thể ra khỏi thế gian.” (1) Lại dạy: “Sự trời buộc vào ân ái đưa con người vào cửa tội lỗi.” (2) Sự ham muốn tình ái rất gắn bó với con người.

(42)

Trí tuệ thanh tịnh không ngăn ngại điều từ thiên định ma ra.

Vượt phàm vào thánh, giải thoát trong khi ngòi, chết trong lúc đứng đều do sức của thiên định. Cho nên nói: “Muốn cầu Thánh Đạo, không đi con đường này thì không còn đường nào khác.” (1)

(43)

Tâm định thì biết được các tướng sinh diệt của thế gian.

*Ánh sáng qua lỗ hồng, bụi nhỏ lãng tãng
Đáy nước dưới ao trong, ánh chiếu rõ ràng.*

(虛隙日光纖埃擾擾。

清潭水底影像昭昭。

Hư khích nhật quang tiêm ai nhiều nhiều.

Thanh đàm thủy để ảnh tượng chiêu chiêu.)

(44)

Thấy cảnh tâm không khởi gọi là không sanh. Không sanh là vô niệm. Vô niệm là giải thoát.

Giới Định Tuệ nếu được một liền đủ cả ba, không phải riêng lẻ.

(45)

Tu đạo mà có chỗ chứng (diệt) thì không phải là chân thật. Tâm và pháp vốn rỗng lặng là tịch diệt chân thật. Do đó nói rằng các pháp xưa nay vốn tướng tịch diệt.

Mắt không thể tự thấy, thấy mắt tức là dối. Do đó Văn Thù suy lường, Tịnh Danh không nói.

(46)

Sau đây nói về tế hạnh:

Người nghèo đến xin tùy thuận ban cho. Tâm đại bi thấy mình và người là một là sự ban cho chân thật.

Thấy mình và người là một gọi là đồng thể. Đến tay không và ra đi tay không, đó là sự thật về cuộc đời của chúng ta.

(47)

Có người đến hại, giữ tâm không nóng giận. Một niệm nóng giận nổi lên thì vô số cửa chướng ngại mở ra.

Phiền não tuy nhiều vô số, nóng giận là nặng nhất. Kinh Niết Bàn dạy: “Được thoa hương hay bị từng xẻo đều không động tâm.” (1) Lòng giận giống như lửa sét đánh trong mây lạnh.

(48)

Nếu không có hạnh nhẫn nhục, các hạnh khác đều không thành tựu.

Các hạnh tuy vô số, từ và nhẫn là nguồn cội. Tâm nhẫn giống như huyễn mộng thì cảnh nhục cũng giống như lông rùa.

(49)

Giữ gìn chân tâm là tinh tấn bậc nhất.

Nếu khởi tâm tinh tấn thì đó là dối không phải thật tinh tấn. Nên nói: “Đừng tưởng làm đừng tưởng làm.” (1)

Người giải đãi thường ngóng về tương lai, đó là người tự bỏ rơi mình.

(50)

Nói về trì chú, nghiệp tạo trong đời này dễ chế ngự nên có thể cố gắng để tự trừ, nghiệp tạo từ đời trước khó trừ nên phải nhờ thần lực.

Ma Đăng Già đặc quả là chuyện có thật. Do đó không trì thần chú mà xa rời được việc ma là chuyện khó có.

(51)

Ý nghĩa của lễ bái là cung kính và khuất phục: cung kính chân tính, khuất phục vô minh.

Thân miệng ý thanh tịnh thì Phật hiện ra trong thế gian.

(52)

Nói về niệm Phật. Ở miệng là tụng, ở tâm là niệm. Tụng mà không niệm thì vô ích.

Pháp môn niệm sáu chữ A Di Đà Phật là con đường tắt ra khỏi luân hồi. Tâm nương vào cảnh giới Phật nhớ giữ không quên, miệng xưng danh hiệu rõ ràng không loạn, tâm và miệng tương ưng gọi là niệm Phật.

BÌNH:

Ngũ Tổ nói: “Giữ chân tâm hơn niệm chư Phật mười phương.” (1) Lục Tổ nói: “Thường niệm Phật bên ngoài không khởi được sanh tử, giữ bổn tâm thì đến bờ bên kia.” (2) Lại nói: “Phật từ trong Tánh, không nên hướng ra ngoài mà cầu.” (3) Lại nói: “Người mê niệm Phật cầu vãng sanh, người giác ngộ thì chỉ thanh tịnh tâm mình.” (4) Lại nói:

“Chúng sanh ngộ được tâm thì cứu được mình, Phật không cứu chúng sanh” (5) vân vân. Các bậc nói trên chỉ thẳng vào Tâm, không nương vào phương tiện. Lý thật là như vậy.

Tuy nhiên với Tích môn thì thật có Cực Lạc Thế Giới, Phật A Di Đà có bốn mươi tám nguyện lớn, niệm được mười tiếng nương vào nguyên lực đó được vãng sanh vào hoa sen, thoát khỏi luân hồi, chư Phật ba đời khác miệng cùng lời, các Bồ tát trong mười phương đều nguyện vãng sanh, huống chi chuyện ghi chép về những người được vãng sanh từ xưa đến nay thật rõ ràng. Xin các vị tu hành nên thận trọng đừng lầm lẫn.

Trong Phạn ngữ, A Di Đà có nghĩa là thọ mạng không cùng, cũng có nghĩa là ánh sáng không cùng, danh hiệu Phật cao quý bậc nhất trong mười phương ba đời. Nguyện do tỳ kheo Pháp Tạng, ở trước đức Phật Thế Tụ Tại Vương phát bốn mươi tám nguyện rằng: Khi tôi thành Phật, các loài trời người cho đến các loài bọ trên không côn trùng dưới nước, nếu niệm tên tôi mười niệm thì được sanh vào nước của tôi. Nếu không thành tựu nguyện này, tôi sẽ không thành Phật....

Chư Thánh ngày xưa nói: “Xưng danh hiệu Phật một tiếng, thiên ma v ỡ mặt, tên được xóa trong quỷ bộ, hoa sen mọc trong ao vàng (vãng sanh).” (6) Sám Pháp cũng nói: “Tự lực và tha lực, một chậm một mau. Muốn vượt qua biển, trồng cây để làm thuyền thì chậm, đó là tự lực, mượn thuyền vượt biển thì nhanh, đó là Phật lực.” (7)

Lại nói: “Trẻ con ở thế gian khi bị lửa nước bức bách cất tiếng kêu gào, cha mẹ nghe tiếng chạy nhanh đến cứu. Người đến giờ lâm chung cao tiếng niệm Phật thì Phật có đủ thần thông nhất định đến đón. Lòng từ bi của đức Đại Thánh hơn cả cha mẹ, sự khổ sanh tử của chúng sanh nặng nề hơn nạn nước lửa.”

Có người nói: “Tự tâm là Tịnh độ, Tịnh độ không thể sanh. Tự Tánh là Di Đà, Di Đà không thể thấy.” Lời nói cũng có phần có lý, nhưng cũng không phải hoàn toàn đúng. Đức Phật (A Di Đà) thì không tham không sân, còn chúng ta có được không tham không sân chưa? Đức Phật biến địa ngục thành hoa sen dễ như trở bàn tay, còn chúng ta do nghiệp lực thường lo sợ dọa vào địa ngục, huống là biến thành hoa sen! Đức Phật nhìn thấy thế giới mười phương như ở trước mắt còn chúng ta thì việc bên kia vách cũng không biết, huống là nhìn thấy thế giới trong mười phương như ở trước mắt!

Do đó, mặc dù Tánh của mọi người đều là Phật, hành động của chúng ta là hành động chúng sanh. Nói về tướng và dụng thì xa nhau như trời với đất. Ngài Khuê Phong (8) nói: “Đón ngộ xong rồi thì tu theo tiệm hạnh.” (9) Lời này chân thật làm sao!

Giờ xin hỏi người nói rằng Tự Tánh là Di Đà: Đức Thích Ca sanh ra tự nhiên là A Di Đà chăng? Xin hãy suy nghĩ.

Há không tự biết rằng, khi giờ lâm chung đến, nơi biên giới đau khổ giữa sống và chết, có thể tự tại quyết định hay không? Nếu không được như vậy, đừng cống cao nhất thời, không suy nghĩ chín chắn, dễ bị đắm chìm nhiều kiếp.

Các ngài Mã Minh (10), Long Thọ (11) đều là Tổ Sư, cũng dạy rõ khuyên tu vãng sanh. Chúng ta vì sao lại không muốn vãng sanh? Đức Phật cũng lại nói: “Tây Phương cách đây mười vạn thế giới và tám ngàn xứ sở.” Đó là đối với người căn chậm mà nói về tướng. Lại nói: “Tây Phương cách đây không xa, tức Tâm là Phật.” Đó là đối với người căn tánh lanh lẹ mà nói về Tánh.

Giáo lý có quyền (phương tiện) và thật. Lời có hiển và mật. Nếu hiểu và hành tương ứng, xa gần đều thông. Do đó các bậc trong Thiên tông, hoặc khuyên niệm A Di Đà (như ngài Huệ Viễn (12)) hoặc dạy tìm Chủ Nhân Ông (như ngài Thụy Nham (13).)

(53)

Nghe Kinh tạo mối liên hệ giữa Kinh và tai (nhĩ căn), được hưởng phước vui. Thân huyễn có ngày mất, thực hành theo sự chân thật thì không mất.

Ở đây nói rõ sự học sáng suốt (trí học) giống như nuốt kim cương (1), hơn hẳn việc bỏ thí bảy món trân quý. Thọ Sư (2) nói: “Nghe mà không tin vẫn tạo được hạt giống Phật. Học mà không thành vẫn có ích được phước cõi trời, cõi người.” (3)

(54)

Xem Kinh nếu không hướng vào bên trong mà thực hành, dù xem hết vạn tạng cũng không ích gì.

Ở đây nói rõ sự học ngu muội (ngu học) giống như chim kêu trong ngày Xuân, côn trùng kêu trong đêm Thu (không có hướng). Mật Sư (1) nói: “Theo c hữ nghĩa mà xem Kinh thì không chứng ngộ được. Nghiền ngẫm câu văn, tìm tòi ý nghĩa chỉ làm tăng thêm tham, sân và tà kiến.” (2)

(55)

Học chưa đến nơi, dùng lời hùng biện miệng lưỡi để khoe sự hiểu biết của mình giống như sơn vẽ nhà xí làm cho giống ngôi chùa.

Nói về sự học ngu si của thời mạt pháp. Học vốn để thấy Tánh, nhưng lại toàn lấy của người khác làm của mình.

(56)

Người xuất gia mà học ngoại điển giống như dùng dao chém bùn. Bùn không dùng được vào việc gì mà dao bị tổn hại.

Ngoài cửa con trưởng giả

Lại trở vào nhà lửa.

(門外長者子。

還入火宅中。

Môn ngoại trưởng giả tử,

Hoàn nhập hỏa trạch trung)

(57)

Xuất gia làm Tăng lại là việc nhỏ sao? Không phải để cầu sự ẩn dật an nhàn, không phải để cầu lợi danh, nhưng là vì chuyện sinh tử, vì muốn cắt đứt phiền não, vì muốn tiếp nối tuệ mệnh của Phật, vì muốn ra khỏi ba cõi để độ chúng sanh.

Có thể nói là bậc đại trượng phu có chí khí ngất trời.

(58)

Phật dạy: “Lửa vô thường thiêu đốt thế gian.” Lại dạy: “Lửa khổ của chúng sanh bốn phương thiêu đốt.” Lại dạy: “Các giặc phiền não thường tìm dịp để hại người. Người tu đạo nên tự biết mà phòng ngừa, như cứu lửa cháy trên đầu.”

Thân có sanh già bệnh chết. Thế giới có thành trụ hoại không. Tâm thì có sanh trụ dị (biến đổi) diệt. Lửa khổ vô thường đó thiêu đốt bốn bề. Xin người tham cứu lẽ huyền đùng hao phí thời gian, tham danh vọng của thế gian chỉ uống công nhọc xác.

(59)

Mưu cầu thế lợi như chất thêm củi vào ngọn lửa nghiệp.

Về việc ham tiếng tăm hư ảo của thế gian, có thơ rằng:

Chim hồng bay lưu dấu chân trên cát

Người chết rồi để tiếng tại nhà.

(鴻飛天末跡留沙。

人去黃泉名在家。

Hồng phi thiên mạt tích lưu sa

Nhân khứ hoàng tuyền danh tại gia.)

Về việc mưu cầu lợi lộc thế gian, có thơ rằng:

Sau khi lấy mật trăm hoa

Ai người ném ngọt chẳng hay nhọc nhằn?

(采得百花成蜜後。

不知辛苦為誰甜。

Thái đắc bách hoa thành mật hậu

Bất tri tân khổ vi thùy điềm?)

Tôn công mệt xác, giống như sự khéo léo chạm trở trên băng, chẳng có ích lợi gì. Thêm củi vào lửa nghiệp: Sắc hương thô lậu giống như dụng cụ chứa lửa.

(60)

Người mặc áo nhà tu mà mưu cầu danh lợi chẳng bằng người quē mùa áo vải.

Bỏ ngai vàng tìm vào núi tuyết, đó là phép tắc của các đức Thế Tôn. Trong đời mạt pháp, những người thực chất là dê mà đội lột cạp không biết xấu hổ, đón gió theo thời, chịu nịnh để giữ được ân huệ. Ôi hạng người như vậy làm sao răn bảo!

Người có tâm nhiễm lợi lộc thế gian, đua nịnh theo người có quyền, chạy theo cát bụi ở đời, cả người thế tục cũng cho là đáng cười. Việc làm của người mặc áo nhà tu này cho thấy thực chất của họ.

(61)

Phật dạy: “Kẻ giặc trộm mặc y phục của ta, buôn bán Như Lai, tạo các thứ nghiệp.”

Thời mạt pháp, có nhiều danh từ để gọi các tỳ kheo (phạm lỗi): hoặc là con dơi, hoặc dê câm, hoặc cư sĩ ngốc, hoặc đồ nhơ nhớp trong địa ngục, hoặc giặc mặc cà sa. Đó là buôn bán Như Lai vậy.

BÌNH:

Bài bát nhơn quā, không tin tội phúc, thân và miệng sục sôi, không ngừng khởi tâm thương ghét, thật là đáng thương.

Không ra tăng không ra tục cho nên gọi là con dơi, lưỡi không thuyết Pháp gọi là dê câm, bề ngoài là tăng mà tâm thế gian nên gọi là cư sĩ ngốc, tội nặng không đời nên gọi là đồ dơ trong địa ngục, buôn Phật để mưu sống nên gọi là giặc mặc cà sa. Nói chung là giặc mặc cà sa.

(62)

Người đệ tử Phật mặc một bộ y, ăn ngày một bữa, không coi thường máu huyết của nhà nông, sự khổ cực của người thợ dệt, nếu đạo nhãn chưa tỏ làm sao tiêu được.

Truyện Đãng (1): “Một đạo nhân đạo nhãn chưa tỏ, thân sinh làm nắm đũa trả lại cho tín thí.” (2)

(63)

Nên nói: “Muốn biết vì sao sinh làm loài mang lông đội sừng, đó là do ngày nay nhận không không từ tín thí.” Có người không đói mà ăn, không lạnh mà mặc, không biết họ nghĩ thế nào? Không biết rằng cái vui trước mắt sẽ là nỗi khổ về sau.

Trí Luận viết: “Một vị đạo sĩ vì phí phạm chỉ năm hạt gạo mà phải đầu thai làm thân trâu, sống thì đền bù bằng xương gân, chết thì trả bằng da thịt.” Nhận không không từ tín thí, báo ứng nhanh như tiếng vang.

(64)

Thà dùng sắt nóng che thân, không nhận áo của người tín tâm. Thà rót đồng vào miệng, không nhận thức ăn của người tín tâm. Thà vào lò nấu sắt, không nhận chỗ ở của người tín tâm.

Kinh Phạm Võng nói: “Không dùng thân phá giới mà nhận các vật cúng dường và bố thí của người tín tâm. Bồ Tát nếu không phát nguyện này tức bị tội khinh cầu.” (1)

(65)

Vì vậy nói rằng: “Người tu đạo nhận thực phẩm như nhận thuốc độc, nhận của ban cho như bị tên bắn. Xử tốt, lời ngọt là điều sợ hãi của người tu đạo.”

“Nhận thức ăn như nhận thuốc độc” là sợ mất đạo nhãn. “Nhận thí như bị tên bắn” là sợ mất đạo quả.

(66)

Cho nên nói rằng: “Người tu đạo giống như tảng đá mài dao. Trương Tam đến mài, Lý Tứ đến mài. Mài tới mài lui, dao của người thì trở nên bén, nhưng đá nhà dần mòn. Thế nhưng có người lại sợ không ai đến mài dao trên đá của mình, thật là đáng thương!

Người tu đạo như vậy suốt đời chỉ nhắm đến sự ấm thân no bụng.

(67)

Do đó người xưa có câu: “Nỗi khổ trong ba đường chưa đáng gọi là khổ. Người mặc áo cà sa khi mất thân người mới thật là khổ.”

Người xưa nói: “Đời này không được minh tâm, một giọt nước cũng khó tiêu.” (1) Đó là lý do người mặc áo cà sa bị mất thân người (sau khi chết.) Người Phật tử nên đem lòng phấn khích.

(68)

Thật đáng kinh sợ cho cái thân này. Chín lỗ thường chảy ra (những chất dơ), trăm ngàn loại ung nhọt mọc ra trên làn da mỏng. Lại nói: Túi da chứa đầy phần và máu mủ, dơ bẩn đáng gớm, không đáng yêu thích, huống lại trăm năm nuôi nấng, trong một hơi thở liền bỏ đi.

Các nghiệp đê cập từ trước đến đây đều do có thân này. Nhìn kỹ vào thân sẽ sợ hãi kêu lên tiếng lớn, làm cho chúng ta cảnh tỉnh. Cội rễ của thân này là lòng yêu thích. Biết rõ sự hư dối thì lòng yêu thích sẽ được tiêu trừ. Nếu cứ mê giữ sẽ sinh ra vô số lỗi lầm ân hận. Vì vậy tỏ rõ điều này để mở con mắt đạo.

BÌNH:

Bốn đại không sanh (sự kết hợp của đất nước gió lửa không có thật) nên gọi là bốn kẻ oán. Bốn đại không biết nhớ ơn nên gọi là bốn con rắn. Chúng ta vì không biết thân này là hư vọng nên nổi lòng sân si cao ngạo với người khác. Người khác cũng không biết thân này là hư vọng nên cũng sanh sân si ngạo mạn với ta. Việc đó cũng giống như hai con quỷ tranh giành xác chết. Thân chết là thân thể của chúng ta, tựa như bọt nước, như chiêm bao, đau khổ và dơ nhớp, dễ bị hư hoại lại rất xấu xa. Trên thì bảy lỗ thường chảy nước mắt nước mũi, dưới thì hai lỗ thường ra phần tiểu. Ngày đêm thường lo giữ thân sạch sẽ để tiếp xúc với người. Cơ thể không sạch thì thiện thân cũng tránh xa.

Kinh Nhân Quả nói: “Dùng tay không sạch mà cầm kinh điển, khạt nhỏ trước tượng Phật sẽ chịu quả báo sinh làm loài trùng trong cầu tiêu.” (1) Kinh Văn Thù nói: “Khi đại tiểu tiện thì giữ thân tâm như cây như đá, không nói năng, không gây ếng động, không vẽ viết trên tường, không khạt nhỏ đăm trong nhà cầu. Đi cầu mà không rửa ráy sạch sẽ thì không được ngồi vào nệm thiền, không được vào điện thờ.” (2) Luật nói: “Khi vào nhà xí, trước tiên phải búng móng tay ba lần để làm cho loài quỷ sống trong chỗ dơ nhớp biết, rồi niệm thầm các thần chú mỗi câu bảy lần...” (3)

(69)

Có tội thì sám hối, có lỗi thì hổ thẹn, đó là khí tượng của người trượng phu. Sửa đổi lỗi lầm tự làm mới mình, tội theo tâm mà tiêu diệt.

Sám hối tức ăn năn lỗi trước, nguyện chừa những sai lầm về sau. Tàm quý tức bên trong tự trách, bên ngoài hổ thẹn. Tâm vốn rỗng lặng, tội nghiệp không có chỗ nương.

(70)

Người tu đạo nên giữ tâm đoan chánh, lấy đơn giản và ngay thẳng làm nền tảng. Một bầu một áo, không bị trói buộc vào nơi trọ nghỉ.

Phật dạy: “Tâm như dây đàn thẳng.” (1) Lại dạy: “Tâm ngay là đạo tràng.” (2) Nếu không dính bám vào sự vui về thân thì không bị trói buộc vào nơi trọ nghỉ.

(71)

Người phạm theo cảnh, người tu theo tâm. Tâm cảnh đều quên là pháp chân thật.

Người theo cảnh giống như con nai chạy theo hoa đốm trong hư không. Người theo tâm giống như con khí tìm bắt mặt trăng dưới nước. Cảnh và tâm tuy khác nhưng đều là bịnh như nhau. Đây nói về phạm phu và Nhị thừa.

*Cả trời đất không mặt trời mặt trăng nước Tần
Khắp núi sông không thấy vua tôi nhà Hán.*

(天地尚空秦日月。

山河不見漢君臣。

*Thiên địa thượng không Tần nhật nguyệt,
Sơn hà bất kiến Hán quân thần.)*

(72)

Thanh vắng ngồi yên trong núi ma vương tìm được. Bồ tát dạo chơi trong thế gian ngoại ma không nhìn thấy.

Thanh vắng lấy tĩnh làm hạnh nên tâm động, tâm động thì quỷ thấy được. Bồ tát tánh vốn rỗng lặng nên không dấu vết, không dấu vết thì ngoại ma không thấy. Ở đây luận về Nhị thừa và Bồ tát.

*Tháng ba ngại đi đường hoa rụng
Một nhà buồn đóng cửa trong mưa.*

(三月懶遊花下路。

一家愁閉雨中門。

*Tam nguyệt lãn du hoa hạ lộ,
Nhất gia sầu bế vũ trung môn.)*

(73)

Người phàm khi đến lúc sắp lìa đời chỉ quán năm âm là không, bốn đại không có tự tánh, Tâm chân thật không có hình tướng, không đi không đến, khi sanh Tánh cũng không sanh, khi chết Tánh cũng không mất, tỏ im tròn lặng, tâm và cảnh cùng một thể.

Chỉ cần ngay lập tức thông suốt được như vậy, không bị ba đời ràng buộc (ràng buộc vào nhân quả), liền là người tự do ở ngoài thế gian. Khi đó, thấy chư Phật không khởi tâm theo nương, thấy địa ngục không khởi tâm sợ hãi. Chỉ tự vô tâm thì cùng với pháp giới (không khác). Đó là **đầu** quan trọng. Sinh hoạt trong đời sống hằng ngày là nhân, khi chết là quả. Người tu đạo nên đem mắt quán sát.

Đến tuổi già sợ chết thì thân cận đức Thích Ca.

*Lúc này nên hướng soi tự kỷ
Trăm năm bóng sáng lướt qua đầu.
(如向此時明自己。
百年光影轉頭非。
Nhu hướng thử thời minh tự kỷ,
Bách niên quang ảnh chuyển đầu phi)*

(74)

Người phàm đến giờ lâm chung, nếu có một mảy may phân biệt phàm thánh, nghĩ ngợi không dứt, sẽ bị kéo vào thai lửa, bụng ngựa, bị nấu trong chảo nước sôi, cho đến sinh làm con kiến con muỗi.

Ngài Bạch Vân (1) nói: “Giả như một mảy ý niệm phàm thánh cũng không còn, cũng không khởi nhập vào thai lửa bụng ngựa.” (2) Còn một tâm niệm chia hai thì còn có thể bị lôi kéo tái sinh vào đường xấu.

*Lửa lớn mênh mông
Gươm báu ngăn che.
(烈火茫茫
寶劍當門。
Liệt hỏa mang mang
Bảo kiếm đương môn.)*

BÌNH:

Hai tiết này đặc biệt mở bày cửa vô tâm hợp đạo của Thiên, phương tiện ngăn chặn pháp môn niệm Phật cầu vãng sanh trong Giáo môn.

Tuy nhiên căn khí không giống nhau, chí nguyện cũng khác. Hai pháp môn này không ngăn ngại nhau.

Xin các người học đạo thường ngày tùy theo phận sự mà cố gắng, để đến phút cuối không sinh nghi ngờ.

(75)

Người học Thiền nếu chưa thấu rõ được bốn tâm rộng sáng thì làm sao thấu được cái ửả chót vót huyền diệu? Người ta thường lấy cái ‘không’ đoạn diệt cho là Thiền, cái ‘không’ vô ký cho là Đạo, ‘hết thấy đều không’ cho là cao kiến.

Cái ngoan không u ối đó là một chứng bệnh sâu xa. Những người gọi là tu Thiền ngày nay mấy ai không bị chứng bệnh đó!?

Con đường đi lên không có chỗ để đặt chân. Vân Môn (1) nói: “Về việc ánh sáng không thấu thoát có hai thứ bệnh. Về việc thâm nhập pháp thân cũng có hai thứ bệnh.” (2) Do đó lúc nào cũng ở trong tự tánh (thủy đắc).

Không đi đường cỏ thom

Khó đến thôn hoa rơi.

(不行芳草路。

難至落花村。

Bất hành phương thảo lộ,

Nan chí lạc hoa thôn.)

(76)

Các bậc thầy cũng có nhiều bệnh. Bệnh tại tai mắt như dương mây nhuộm mắt nghiêng tai gật đầu cho là Thiền. Bệnh tại miệng lưỡi như miệng nói lời đảo điên vô nghĩa, hô hoán lung tung cho là Thiền. Bệnh tại tay chân như đi tới đi lui, chỉ vẽ lung tung cho là Thiền. Bệnh trong tâm như nghĩ tìm điều huyền diệu, cho mình ở trên phàm tình, xa rời sự thấy biết cho là Thiền.

Giết cha mẹ thì có thể sám hối Phật, chê Bát nhã thì không có cách gì sám hối.

Bắt bóng không trung không tài khéo

Bên ngoài tìm dấu há người tài?

(空中攝影非為妙。

物外追蹤豈俊機。

Không trung toát ảnh phi vi diệu

Vật ngoại truy tung khởi tuấn ki.)

(77)

Việc của các bậc Thầy giác ngộ chỉ là bày tỏ câu này. Như người gõ gõ nhịp, lò hồng diêm tuyệt. Lại như ánh sáng lửa đá. Người học thật khó thể suy lường. Do vậy người xưa nhớ ơn Thầy mà nói rằng: “Không trọng đạo đức của Thầy, chỉ trọng Thầy dạy dỗ không vị ngã.” (1)

Đừng nói! Đừng nói.
Viết ra gây hoang mang.
(不道不道。

恐上紙墨。
Bất đạo bất đạo
Khủng thượng chỉ mặc.)

*Tên xuyên qua bóng trắng dưới sông
Hắn đến từ người bắn chim diều.
(箭穿江月影。
須是射鷗人。
Tiên xuyên giang nguyệt ảnh,
Tu thị xạ diều nhân.)*

(78)

Người học trước tiên nên hiểu rõ về đường lối của Tông môn. Xưa Mã Tổ (1) hét một tiếng, tai của Bách Trượng điếc, lưỡi của Hoàng Bá rụng. Một tiếng hét đó là tiêu tức đưa hoa, cũng là khuôn mặt của Đạt Ma lúc mới qua. Đó là đầu mối của tông Lâm Tế.

Người biết pháp thì la, mở miệng thì đánh.

*Gậy gõ một cây không đốt mắt
Ân cần giao phó kẻ đi đêm.
(杖子一枝無節目。
慇懃分付夜行人。
Trượng tử nhất chi vô tiết mục,
Ân cần phân phó dạ hành nhân.)*

Xưa Mã Tổ hét một tiếng làm cho Bách Trượng (2) được đại cơ, Hoàng Bá (3) được đại dụng. Đại cơ là hoàn toàn ứng hợp, đại dụng là cắt đứt không vướn ngại. Những câu chuyện trên là từ sách Truyền Đăng Lục.

(79)

Tổng quát, Thiên có năm phái là Lâm Tế, Tào Động, Vân Môn, Quy Ngưỡng, Pháp Nhãn.

LÂM TẾ TÔNG:

Từ đức Bôn Sư Thích Ca cho đến đời thứ ba mươi ba Lục Tổ Huệ Năng trực tiếp truyền thọ gồm các Thiền Sư: Nam Nhạc Hoài Nhượng, Mã Tổ Đạo Nhất, Bách Trượng Hoài Hải, Hoàng Bá Hy Vận, Lâm Tế Nghĩa Huyền, Hưng Hóa Tồn Tường, Nam Viện Thủ Ngung, Phong Huyệt Diên Chiêu, Thủ Sơn Tĩnh Niệm, Phần Dương Thiện Chiêu, Từ Minh Sở Viên, Dương Kỳ Phương Hội, Bạch Vân Thủ Đoan, Ngũ Tổ Pháp Diễn, (Viên Ngộ Khác Càn, Kính Sơn Tông Cảo).

Lâm Tế gia phong, tay không đơn đao gậy Phật giết Tổ, xét huyền nhiệm của xưa nay, nghiệm chủ khách nơi sâu kín. Cầm thanh gươm báu kim cương, trừ loài tinh mị nơi bờ bụi, đoạt uy của sư tử, làm khiếp đảm loài hồ li.

Nên biết Lâm Tế tông:

*Trời trong rền sấm sét,
Đất bằng nổi sóng to.*

(青天轟霹靂。

平地起波濤。

*Thanh thiên oanh phích lịch,
Bình địa khởi ba đào.)*

(80)

TÀO ĐỘNG TÔNG:

Gồm những vị Thiền sư sau Lục Tổ không được truyền trực tiếp. Đó là các Thiền Sư: Thanh Nguyên Hành Tư, Thạch Đầu Hi Thiên, Dược Sơn Duy Nghiễm, Vân Nham Đàm Thịnh, Động Sơn Lương Giới, Tào Sơn Đam Chương, Vân Cư Đạo Ứng.

Tào Động gia phong, mở phương Ngũ Vị tiếp ba căn, đưa ngang kiếm báu chém sạch rừng rậm tà kiến, rộng truyền vi diệu cắt đứt vạn mối xuyên tạc, bờ Oai Âm đầy mắt ánh mây, trước Không kiếp một bầu trăng gió.

Nên biết Tào động tông:

*Phật Tổ chưa sanh ngoài Không kiếp,
Chủ- Khách chẳng lạc chốn có-không.*

(佛祖未生空劫外。

正偏不落有無機。

*Phật Tổ vị sanh không kiếp ngoài,
Chánh thiên bất lạc hữu vô cơ.)*

(81)

VÂN MÔN TÔNG:

Bài truyền từ Mã Tổ, gồm các Thiền sư: Thiên Vương Đạo Ngộ, Long Đàm Sùng Tín, Đức Sơn Tuyên Giám, Tuyết Phong Nghĩa Tồn, Vân Môn Văn Yển, Tuyết Đậu Trọng Hiên, Thiên Ý Nghĩa Hoài.

Vân Môn gia phong, gió kiếm có đường, tường sắt không cửa. Mở ra lộ rõ tơ vò, dứt bỏ thường tình kiến giải, điện chớp không đợi nghĩ suy, lửa dữ chứa an thuyền đỗ.

Nên biết Vân Môn tông:

*Chống gậy nhảy lên trời cao,
Trong chén chư Phật thuyết Pháp.*

(拄杖子跳上天。

盞子裏諸佛說法。

*Trụ trượng tử khiêu thượng thiên,
Trần tử lí chư Phật thuyết Pháp.)*

(82)

QUI NGƯỠNG TÔNG:

Bài truyền từ Bách Trượng, gồm các Thiền Sư: Qui Sơn Linh Hữu, Ngưỡng Sơn Huệ Tịch, Hương Nghiêm Trí Nhàn, Nam Tháp Quang Lậu, Ba Tiêu Huệ Thanh, Hoắc Sơn Cảnh Thông, Vô Trước Văn Hi.

Quy Ngưỡng gia phong, thầy trò hòa ca, cha con một nhà. Bỏ chữ bỏ nghĩa xuất chúng tài ba, ở trong nhà biết được kẻ bẽ gãy lưng sư tử. Lìa bốn câu, dứt trăm phi, một chùy đập nát. Hai miệng không lưỡi, chín đoạn châu thông.

Nên biết Quy Ngưỡng Tông:

*Phá bia che đường xưa,
Trâu sắt ngủ Thiếu Thất.*

(斷碑橫古路。

鐵牛眠少室。

*Đoạn bi hoành cổ lộ,
Thiệt ngưu miên Thiếu thất.)*

(83)

PHÁP NHÃN TÔNG:

Bài truyền từ ngài Tuyết Phong, gồm các Thiền Sư: Huyền Sa Sư Bị, Địa Tạng Quế Sâm, Pháp Nhãn Văn Ích, Thiên Thai Đức Thiệu, Vĩnh Minh Diên Thọ, Long Tể Thiệu Tu, Nam Thai Thủ An.

Pháp nhãn gia phong, trong lời có tiếng vang, trong câu chứa mũi nhọn. Đầu lâu đi lại trong thế giới, lỗ mũi chạm sát nếp nhà. Cành gió bên trăng hiển lộ chân tâm, trúc xanh hoa vàng rõ bày diệu pháp.

Nên biết, Pháp Nhãn tông:

*Gió đẩy đám mây xuôi đỉnh núi,
Trăng hòa nước chảy qua cầu về.*

(風送斷雲歸嶺去。

月和流水過橋來。

*Phong tống đoạn vân quy lĩnh khứ,
Nguyệt hòa lưu thủy quá kiều lai.)*

(84)

Lâm Tế hét, Đức Sơn gậy đều chứng suốt vô sinh, thấu ngọn thấu gốc, đại cơ đại dụng, tự tại không cùng, toàn thân hiện mất, toàn thân đả đương, nắm giữ cảnh giới của Văn Thù, Phổ Hiền.

Tuy nhiên, hai vị Thầy này cũng không tránh khỏi loài ma quỷ bắt hồn.

Gió buốt thổi lông, không phạm đầu nhọn.

*Rạng rỡ hàn quang, châu đẹp nước
Không không mây tán, nguyệt qua trời.*

(燦燦寒光珠媚水。

寥寥雲散月行天。

*Thước thước hàn quang châu mị thủy
Liêu liêu vân tán nguyệt hành thiên.)*

(85)

Bậc đại trượng phu gặp Phật gặp Tổ như gặp oán thù. Cầu Phật liền bị Phật trói, cầu Tổ liền bị Tổ trói. Có cầu có khổ, không bằng vô sự.

“Gặp Phật Tổ như oán thù”: Ở trên nói “Không gió mà nổi sóng.” “Có cầu có khổ”: Ở trên nói “Thế thật ngay đó.” “Không bằng vô sự”: Ở trên nói “Khởi niệm liền sai.”

Đạt đến chỗ đó thì có thể cắt đứt hết đầu lưỡi của người trong thiên hạ, bánh xe sinh tử sẽ dừng lại.

Cứu giúp nguy khốn, dẹp yên loạn lạc, như Đan Hà đốt Phật (1), Vân Môn cho chó ăn (2), Lão bà không gặp Phật (3). Thầy đều là thủ đoạn dẹp tan tà kiến, làm rõ chánh kiến. Cuối cùng thì như thế nào?

Thường nhớ bờ nam trong tháng Ba

Chá cô kêu hót giữa trăm hoa

(常憶江南三月裏。

鷓鴣啼處百花香。

Thường ức giang nam tam nguyệt lí,

Chá cô đề xứ bách hoa hương.)

(86)

Thần quang không mờ, vẫn tự ngàn xưa. Vào trong cửa này, không còn tri giải.

“Thần quang không mờ” ở trên nói là “chiêu chiêu linh linh”. “Vẫn tự ngàn xưa” ở trên nói là “vốn không sinh diệt.” “Không còn tri giải” ở trên nói “không thể theo danh mà hiểu.” “Cửa” là chỉ sự ra vào của phàm Thánh, như Thần Hội nói: “Một chữ biết là cửa vào của các điều huyền diệu.” (1)

Toàn giáo pháp bắt đầu với cái không thể gọi tên tả hình, kết thúc với việc không còn tri giải. Bao nhiêu vướng mắc, một câu phá hết.

Trước sau một nghĩa, giữa nêu vạn hạnh. Như ba nghĩa trong sách vở thế gian, hai chữ tri giải (biết hiểu) là mối nguy lớn của Phật Pháp. Do đó, đưa ra rồi chấm dứt. Thiền sư Hà Trạch Thần Hội cũng do đây mà không được coi là đích tử (con chính, tức đệ tử được ấn chứng) của Lục Tổ Tào Khê.

Tụng rằng:

Như muốn nêu bày rõ tông chỉ

Cười ngát Tây Tăng cặp mắt xanh.

(如斯舉唱明宗旨。

笑殺西來碧眼僧。

Như tư cử xướng minh tông chỉ

Tiểu sát Tây lai bích nhãn tăng.)

Rốt ráo thì thế nào?

Trăng đơn riêng chiếu sông núi lặng

Cười lên một tiếng trời đất kinh.

(孤輪獨照江山靜。

自笑一聲天地驚。

Cô luân độc chiếu giang sơn tĩnh

Tự tiếu nhất thanh thiên địa kinh.)

(Thiền Gia Quy Giám hết)

LỜI BẠT

Của Một Người Đệ Tử Của Tây Sơn Đại Sư

Bản văn trên được viết do ngài Do-Eun (Thiền sư Tây Sơn), một vị Thiền sư sáng chói thuộc tông phái Choye của Phật Giáo Đại Hàn.

Than ôi! Phật Giáo Đại Hàn đã suy thoái trên 200 năm. Những vị lãnh đạo Thiền tông và những vị chuyên về kinh điển khoanh vùng trong những quan điểm riêng. Những vị chuyên về kinh điển khai triển một khẩu vị cho những sự việc nhỏ hơn, và những vị này thì ít nhiều. Các vị này không biết có một con đường có thể giác ngộ từ bên trong, không nương tựa vào năm thừa giáo.

Trong khi đó, những người chuyên thực hành thiền quán thì chỉ tin vào sự thanh tịnh nguyên sơ nên coi thường vai trò của tiệm tu. Họ thường coi nhẹ việc thực hiện sự toàn giác sau khi đốn ngộ. Những vị chỉ tập trung vào việc tu tập thiền quán có thể không chú ý đến tác dụng của việc thực hành nhiều pháp môn để cho diệu dụng của giác ngộ được thuần thực và hoàn hảo.

Vì những lý do đó, vai trò của Thiền và Giáo thường bị lẫn lộn, như vàng và cát hòa trộn. Kinh Viên Giác nói: “Có người nói rằng vì con người sinh ra đã có Phật tánh, và đã hoàn hảo, do đó ‘không có vô minh, không có giác ngộ’ nên quên mất nhân quả. Đó là cái thấy sai lầm. Lại có người cho rằng đốn ngộ là ảo tưởng vì vô minh chỉ được vượt qua bằng việc tu tập từ từ, do đó không nhìn thấy bản tánh chân thật không thay đổi của chính mình. Đây cũng là cái thấy sai lầm.”

Thật là nguy hiểm!

Vì sao truyền đạo lý này một cách đúng đắn rất khó khăn?

Truyền thống của chúng ta đang trên đường đi xuống như treo cân trên một sợi tóc giữa hư không khi vị Lão Sư của chúng tôi ngồi viết tác phẩm này. Ngài dùng mọi thời gian rảnh rỗi trong mười năm chẵn trâu ở núi Tây Sơn để kết tập. Ngài nghiền ngẫm năm mươi bộ Kinh và những sở giải liên quan, và chỉ ghi xuống những giòng rõ ràng nhất và căn bản nhất mà ngài tìm thấy. Rồi ngài trực tiếp dạy cho chúng tôi, những đệ tử của ngài, cho chúng tôi thấy lòng thương yêu của một người chẵn cừ đối với đàn cừ: Với lòng lân mẫn, ngài dạy ít lại cho những người vượt quá và thúc đẩy những người lười biếng và không theo kịp. Tất cả những việc làm đó của ngài chỉ với mục đích đưa họ đến cửa đại ngộ.

Tuy nhiên, đệ tử của ngài quá đàn độn, cảm thấy khó khăn với những thời Pháp cao siêu khó hiểu của ngài. Do đó, vị Lão Sư cảm thương, thêm phần chú giải vào mỗi câu và sắp xếp theo thứ tự. Kết quả là tất cả các câu được nói lại thành một xâu, và máu huyết bắt đầu lưu thông, đem giáo lý sống động đến cho những người đệ tử này.

Bản văn chứa đựng tinh túy của tám mươi bốn ngàn bộ kinh và cốt tủy của năm phái Thiền. Mỗi chữ đều mở bày chân lý, mỗi câu đều phù hợp với giáo pháp mà ngài muốn

chỉ bày. Học hỏi bản văn, người quá độ sẽ tìm thấy sự tiết điệu, người bị đình trệ sẽ vượt qua. Bản văn này quả thật là một tấm gương cho cả Thiên cũng như Giáo, một món thuốc rất hiệu nghiệm để đạt được hiểu biết chân chính và tác dụng của sự hiểu biết đó cho sự đốn ngộ cũng như việc tiệt tu.

Chúng ta nên biết rằng vị Lão Sư đã luôn luôn thận trọng tôi đa khi nói về những vấn đề trong tác phẩm này. Giống như bước đi trên một lưỡi dao bén, ngài lo rằng chỉ một chữ hay nửa câu cũng có thể đưa đến hậu quả trong một bản văn như bản văn này. Vì vậy lưu hành rộng rãi hay vinh danh bản văn có thể là việc ngài muốn. Trong số những đệ tử của ngài, Thiên Sư Baek Un Bo Won sao chép và Đại Sư Byeok Chon Ui Cheon hiệu đính. Sau đó, những đệ tử khác như Đại Sư Jeong Wong, Đại Sư Dae Sang và Cheong Ha Boep Yung cung kính Ễ bái và tán dương tác phẩm này là một tác phẩm không gì sánh. Cùng với sáu bảy vị tăng khác, họ quyên được đủ tiền khắc bản gỗ để lưu hành về sau. Bản văn được phổ biến rộng rãi để trả ơn phần nào cho lòng từ bi lớn lao trong việc giáo hóa khai ngộ của ngài.

Chân lý thâm sâu của đức Phật và giáo pháp vi diệu của chư Tổ giống như biển lớn: Nếu muốn tìm viên ngọc quý giá trong miệng rồng lớn dưới đáy biển, thì phải vào biển lúc mặt đại dương như thế nào? Và cái gì sẽ giúp cho sự tìm kiếm? Nếu không có những phương tiện để di chuyển dưới biển giống như đi trên đất một cách tự tại thì không thể nào thực hiện ngoài việc ngồi trên bờ mà kêu oán.

Do đó sự thành tựu của vị Thầy chúng ta trong việc chọn lựa tinh túy của các lời dạy, và lòng từ bi của ngài trong việc khai ngộ chúng ta cao như núi và sâu như biển. Dù có nghiền xương cả ngàn lần, lấy thân mạng để đền đáp vạn lần cũng không thể đền đáp một chút xíu lòng từ mẫn bao la mà ngài đã ban cho chúng ta.

Chỉ đừng kinh nghi khi nghe và thấy những lời dạy này. Nếu đọc với lòng tôn kính và coi nó như kho tàng của mình, bản văn này sẽ trở thành một nguồn sáng dẫn đường, chẳng những cho đời này mà còn cho đời sau, đời sau nữa.

Những lời này được viết vào mùa Xuân niên hiệu Gimyo triều đại Manryeok (1579)

Tỳ kheo Yu Jeong, thuộc tông phái Choye Phật giáo Đại Hàn, kính lạy những lời dạy cốt tủy này được truyền từ Bốn Sư của chúng tôi, với lòng khiêm cung xin dâng những lời cuối cùng này.

CHÚ THÍCH

Chương 1: *Hữu nhất vật u thử, tòng bản dĩ lai chiêu chiêu linh linh, bất tăng sanh bất tăng diệt, danh bất đắc, trạng bất đắc.*

(有一物於此。從本以來昭昭靈靈。不曾生不曾滅。名不得狀不得。)

(1) Ngô hữu nhất vật vô danh vô tự, chư nhân hoàn thức phủ?

(吾有一物無名無字。諸人還識否。)

(2) Chư Phật chi bản nguyên, Thần Hội chi Phật tánh.

(諸佛之本源。神會之佛性。)

(3) Thập ma vật, y ma lai?

(什麼物。伊麼來。)

(4) Thuyết tự nhất vật tức bất trúng.

(說似一物即不中。)

Chương 2: *Phật Tổ xuất thế, vô phong khởi lãng.*

(佛祖出世。無風起浪。)

(1) Văn tự thị ma nghiệp, danh tướng thị ma nghiệp, chí u Phật ngữ diệt thị ma nghiệp.

(文字是魔業。名相是魔業。至於佛語亦是魔業。)

Chương 3: *Nhiên pháp hữu đa nghĩa, nhân hữu đa cơ, bất phương thi thiết.*

(然法有多義。人有多機。不妨施設。)

(1) Quan bất dung châm tư thông xa mã giả dã.

(官不容針私通車馬者也。)

Chương 4: *Cưỡng lập chủng chủng danh tự, hoặc Tâm hoặc Phật hoặc chúng sanh, bất khả thủ danh nhi sanh giải. Đương thể tiện thị, động niệm tức quai.*

(強立種種名字。或心或佛或眾生。不可守名而生解。當體便是。動念即乖。)

Chương 5: *Thế Tôn tam xứ truyền Tâm giả vi Thiên chỉ, nhất đại sở thuyết giả vi Giáo môn. Cố viết Thiên thị Phật tâm, Giáo thị Phật ngữ.*

(世尊三處傳心者為禪旨。一代所說者為教門。故曰禪是佛心。教是佛語。)

(1) Ba lần truyền Tâm:

- Lần thứ nhất: Khi Phật thuyết Pháp tại Tháp Đa Tử, ngài Ma Ha Ca Diếp là người xuất gia sau đáng lý ngồi phía sau nhưng ngài lại tiến thẳng đến trước Phật và Phật nhích qua chia chỗ ngồi cho ngài. Với việc im lặng cho phép một vị tăng trẻ ngồi chung với mình, đức Phật hiển bày cho đại chúng sự bình đẳng của Phật tánh.

- Lần thứ hai: tại núi Linh Thú, đức Phật đưa lên một đóa hoa udambara trước đại chúng, đại chúng im lặng, chỉ có ngài Ma Ha Ca Diếp ngồi xa phía sau nhìn Phật mỉm cười.

- Lần thứ ba: Trong lễ trà tỳ đức Phật, ngài Ma Ha Ca Diếp đi vòng quanh giàn thiêu ba vòng và lay ba lần. Lúc đó, bàn chân của đức Phật bỗng ló ra, biểu thị cho đại chúng biết rằng dù thân xác vật chất của Phật không còn, Phật tánh không có sống chết.

Chương 6: *Thị cố nhược nhân thất chi u khẩu, tắc niêm hoa vi tiếu giai thị Giáo tích. Đắc chi u Tâm, tắc thế gian thô ngôn tế ngữ giai thị giáo ngoại biệt truyền Thiên chí.*
(是故若人失之於口。則拈花微笑皆是教跡。得之於心。則世間麤言細語皆是教外別傳禪旨。)

(1) Bảo Tích: Từng làm thầy của Lương Vũ Đế. Một hôm, có một đám tang đi qua chỗ ngài tham thiền, khi nghe tiếng tiếng khóc than, ngài bỗng đại ngộ.

(2) Bảo Thọ: Có một vị trưởng lão hỏi Bảo Thọ: “Khuôn mặt xưa nay trước khi sinh ra là gì?” ngài không trả lời được. Trải qua nhiều tháng miên mật tham thiền cũng không cho ngài ánh sáng nào. Một hôm, khi đang đi trong chợ, ngài gặp một nhóm người ẩu đả nhau. Khi cuộc ẩu đả chấm dứt, một người thốt lên: “Hôm nay ta thật là mất mặt.” Khi nghe câu đó, ngài Bảo Thọ bỗng ngộ.

Chương 7:

Ngô hữu nhất ngôn

Tuyệt lự vong duyên

Ngột nhiên vô sự tọa

Xuân lai thảo tự thanh.

(吾有一言。

絕慮忘緣。

兀然無事坐。

春來草自青。)

Chương 8: *Giáo môn duy truyền Nhất Tâm pháp. Thiền môn duy truyền Kiến Tánh pháp.*
(教門惟傳一心法。禪門惟傳見性法。)

Chương 9: *Nhiên chư Phật thuyết kinh, tiên phân biệt chư pháp, hậu thuyết tất cánh không. Tổ Sư thị cú, tích tuyệt u ý địa, li hiện u Tâm nguyên.*

(然諸佛說經。先分別諸法。後說畢竟空。祖師示句。跡絕於意地。理顯於心源。)

Chương 10: *Chư Phật thuyết cung, Tổ Sư thuyết huyền. Phật thuyết vô ngại chi pháp phương quy nhất vị. Phật thử Nhất Vị chi tích, phương hiện Tổ Sư sở thị Nhất Tâm. Có vân đình tiền bách thụ tử thoại, long tàng sở vị hữu đế.*

(諸佛說弓。祖師說絃。佛說無礙之法方皈一味。拂此一味之跡。方現祖師所示一心。故云庭前柏樹子話。龍藏所未有底。)

(1) Thoại đầu: thường dùng như chữ “công án,” là một chữ, một câu, lời đối đáp, hay một sự việc xảy ra đánh thức tâm nghi của hành giả tu Thiền để đưa vào mức độ sâu hơn. Ý

nghĩa của chữ và câu không quan trọng, cốt làm cho hành giả chấm dứt lối suy nghĩ phân biệt để đưa đến đốn ngộ.

(2) Triệu Châu Tông Thâm (778-897): Một trong những bậc Thầy có nhiều ảnh hưởng nhất trong Thiền Tông. Ngài đắc Pháp với Tổ Nam Tuyên Phổ Nguyên, sau đó tiếp tục hành trì dưới sự hướng dẫn của Tổ thêm 20 năm. Ngài tịch lúc 120 tuổi. Một ngày kia, có một vị tăng hỏi ngài Triệu Châu: “*Thế nào là ý của Tổ sư từ Tây qua?*” (Nhu hà thị Tổ Sư Tây lai ý?), cũng có nghĩa: “Thế nào là ý nghĩa của Phật Pháp?” Triệu Châu trả lời: “*Cây tùng ngoài sân.*” (Đình tiền bách thụ tử.) Vị tăng ngay đó liền ngộ. Đây là một một trong những mẫu đối thoại kinh điển trong Thiền Tông, và là một thoại đầu cho nhiều hành giả.

Chương 11: *Cố học giả tiên dĩ như thật ngôn giáo ủy biện bất biến tùy duyên nhị nghĩa, thị tự tâm chi tánh tướng. Đốn ngộ tiệm tu lưỡng môn thị tự hành chi thủy chung. Nhiên hậu phóng hạ giáo nghĩa, dẫn tương tự tâm hiện tiền nhất niệm tham tường Thiền chỉ, tất tất hữu sở đắc, sở vị xuất thân hoạt lộ.*

(

故學者先以如實言教委辨不變隨緣二義。是自心之性相。頓悟漸修兩門是自行之始終。然後放下教義。但將自心現前一念參詳禪旨。則必有所得。所謂出身活路。)

Chương 12: *Đại để học giả tu tham hoạt cú mạc tham tử cú.*

(大抵學者須參活句莫參死句。)

(1) Hoạt cú/ tử cú (câu sống/ câu chết): Hoạt cú là những câu chỉ thẳng vào thực tại đang hiển bày. Tử cú là câu hay lời chỉ dựa vào trí thông minh, lý lẽ, hoặc ý niệm.

(2) Lâm Tế (? – 867): Một trong những vị đại sư Thiền tông. Đệ tử của ngài đã xây dựng một tông phái được gọi là Lâm Tế Tông. Ngài xuất gia từ rất sớm và chuyên nghiên cứu kinh điển. Về sau ngài thọ giáo với ngài Hoàng Bá Hy Vận.

Chương 13: *Phàm bản tham công án thượng thiết tâm tố công phu, như kê bảo noãn, như miêu bộ thử, như cơ tư thực, như khát tư thủy, như nhi ức mẫu, tất hữu thấu triệt chi kì.*

(凡本參公案上切心做工夫。如雞抱卵。如貓捕鼠。如飢思食。如渴思水。如兒憶母。必有透徹之期。)

(1) “Con chó không có Phật tánh.” Đức Phật dạy rằng tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, có nghĩa là tất cả chúng sanh đều có khả năng giác ngộ. Một vị tăng hỏi Thiền sư Triệu Châu: “*Con chó có Phật tánh hay không?*” Ngài Triệu Châu liền trả lời: “*Không!*” Từ đó, cuộc đối thoại trở thành một câu thoại đầu cho nhiều hành giả tu Thiền.

(2) Ngài Động Sơn Lương Giới đang cưa gai, một vị tăng đến bên hỏi: “*Thưa thầy, thế nào là Phật?*” Ngài Động Sơn đáp: “*Ba cưa gai.*”

(3) Thiền sư Vân Môn Văn Yển (862 hay 864 -949) vừa ra khỏi nhà xí, một vị tăng hỏi: “*Thưa Thầy, thế nào là Phật?*” Ngài Vân Môn trả lời: “*Que dính cứt khô!*”

Chương 14: *Thiền tham tu cụ tam yếu: nhất hữu đại tín căn, nhị hữu đại phán chí, tam hữu đại nghi tình. Cầu khuyết kì nhất, như chiết túc chi đỉnh, chung thành phế khí.*

(禪須具三要。一有大信根。二有大憤志。三有大疑情。苟闕其一。如折足之鼎。終成廢器。)

(1) Vĩnh Gia Huyền Giác (665-713): Ngài xuất gia lúc lên tám tuổi. Đầu tiên, ngài theo học Thiên Thai tông. Ngài ngộ đạo khi đang tụng kinh Duy Ma Cát, sau được Lục Tổ ấn chứng. Ngài tịch vào năm bốn mươi chín tuổi trong khi đang tham thiền.

(2) Mông Sơn (không biết năm sinh và mất): Một vị tăng sống vào triều nhà Nguyên.

(3) Tham thiền giả bất nghi ngôn cú thị vi đại bệnh.

(4) Đại nghi chi hạ tất hữu đại ngộ.

Chương 15: *Nhật dụng ứng duyên xừ chỉ cử câu tử vô phật tính thoại. Cử lai cử khứ, nghi lai nghi khứ. Giác đắc một lí lộ, một nghĩa lộ, một tư vị tâm đầu nhiệt muôn thời. Tiệm thị đương nhân phóng thân mệnh xừ. Diệc thị thành Phật tác Tổ để cơ bốn đã.*

(日用應緣處只舉狗子無佛性話。舉來舉去疑來疑去。覺得沒理路沒義路沒滋味心頭熱悶時。便是當人放身命處。亦是成佛作祖底基本也。)

(1) Câu tử hoàn hữu Phật tính dã vô?

(狗子還有佛性也無。)

(2) Vô

Chương 16: *Thoại đầu bắt đắc cử khởi xừ thừa đương, bắt đắc tư lượng bóc độ. Hựu bắt đắc tương mê dãi ngộ. Tựu bắt khả tư lượng xừ tư lượng, tâm vô sở chi. Như lão thử nhập ngư giác tiệm kiến đảo đoạn đã. Hựu tâm thường kế giáo an bài để thị thức tình, tùy sanh tử thiên lưu để thị thức tình, phạ bố chương hoàng để thị thức tình. Kim nhân bất tri thị bệnh, chỉ quản tại lí hứa đầu xuất đầu một.*

(話頭不得舉起處承當。不得思量卜度。又不得將迷待悟。就不可思量處思量。心無所之。如老鼠入牛角便見倒斷也。又尋常計較安排底是識情。隨生死遷流底是識情。怕怖惶惶底是識情。今人不知是病。只管在裏許頭出頭沒。)

(1) Thị cá thậm ma?

(是箇甚麼)

Chương 17: *Thử sự như vắn tử thượng thiết ngư. Cánh bắt vắn như hà nhược hà. Hạ chủy bắt đắc xừ khí mệnh, nhất toàn hòa thân thấu nhập.*

(此事如蚊子上鐵牛。更不問如何若何。下嘴不得處棄命。一攢和身透入。)

(1) Tham thiền tu thấu Tô Sư quan, diệu ngộ yếu cùng tâm lộ tuyệt.

(參禪須透祖師關。妙悟要窮心路□。)

Chương 18: *Công phu như điều huyền chi pháp, khẩn hoãn đắc kì trung. Cẩn tắc cận chấp trước, vong tắc lạc vô minh. Hoàng hoàng lịch lịch, mật mật miên miên.*

(工夫如調絃之法。緊緩得其中。勤則近執著。忘則落無明。惶惶歷歷。密密綿綿。)

Chương 19: *Công phu đả hành bất tri hành, tọa bất tri tọa, đương thử chi thời, bát vạn tứ thiên ma quân tại lục căn môn đầu tí hậu tùy tâm sanh thiết. Tâm nhược bất khởi tranh như chi hà!*

(工夫到行不知行坐不知坐。當此之時。八萬四千魔軍在六根門頭伺候隨心生設。)

(1) Thấy hiếu tử dẫn vào đui: Một vị tăng ngồi tham thiền thấy một người trẻ tuổi mặt đỏ tang đi theo lờm đến bên cạnh réo lên: “Tại sao ông giết mẹ tôi? Tại sao ông giết mẹ tôi?” và lấy ra một chiếc riều nhỏ. Để tự vệ, vị tăng giựt chiếc riều. Khi vị tăng nhìn xuống thì thấy chân mình chảy máu, mới nhận ra rằng tất cả sự việc xảy ra chỉ là do vọng tưởng của tâm.

Thấy heo kéo mũi: Một vị tăng ngồi tham thiền bỗng bị một con heo hoang tấn công. Vị tăng cố gắng chụp con heo nhưng không thành, cố gắng níu cái bùi tay, nhưng chỉ có thể nắm được mũi con vật. Vị tăng siết mạnh vào mũi làm cho con vật kêu ré lên. Lúc đó vị tăng cũng hét lên và nhận ra rằng ông đang túm vào mũi của chính mình.

Hai câu chuyện trên được dùng để chỉ hoạt động của ma vương (mara), hay vọng tưởng, trong một khoảnh khắc không sáng tỏ. Nói cách khác, ma là từ trong tâm mà khởi.

(2) Bích kích phong động, tâm kích ma xâm.

(壁隙風動。心隙魔侵)

Chương 20: *Khởi tâm thị thiên ma, bất khởi tâm thị âm ma, hoặc khởi hoặc bất khởi thị phiền não ma. Nhiên ngã Chánh Pháp trung bản vô như thị sự.*

(起心是天魔。不起心是陰魔。或起或不起是煩惱魔。然我正法中本無如是事。)

Chương 21: *Công phu nhược đả thành nhất phiến, tắc túng kim sanh thẩu bất đắc, nhân quang lạc địa chi thời bất vi ác nghiệp sở suất.*

(工夫若打成一片。則縱今生透不得。眼光落地之時。不為惡業所率。)

Chương 22: *Đại để tham thiền giả hoàn tri tứ ân thâm hậu ma, hoàn tri tứ đại xú thân niệm niệm suy hủ ma, hoàn tri nhân mệnh tại hô hấp ma, sanh lai trị ngộ Phật Tổ ma, cập văn Vô Thượng Pháp sanh hi hữu tâm ma, bất li tăng đường thủ tiết ma, bất dữ lân đan tạp thoại ma, thiết kị cổ phiến thị phi ma, thoại đầu thập nhị thời trung minh minh bất muội ma, đối nhân tiếp thoại thời vô gián đoạn ma, kiến văn giác tri thời đả thành nhất phiến ma, phản quan tự kỉ tróc bại Phật Tổ ma, kim sanh quyết định tục Phật tuệ mệnh ma, khởi tọa tiện nghi thời hoàn tư địa ngục khổ ma, thử nhất báo thân định thoát luân hồi ma, đương bát phong cảnh tâm bất động ma. Thử thị tham thiền nhân nhật dụng trung điểm, để đạo lí. Cổ nhân vân: Thử thân bất hướng kim sanh độ, cánh đãi hà sanh độ thử thân.*

(大抵參禪者還知四恩深厚麼。還知四大醜身念念衰朽麼。還知人命在呼吸麼。生來□□□□。及聞無上法生希有心麼。不離僧堂守節麼。不與鄰單雜話麼。切忌鼓扇是非麼。話頭十二時中明明不昧麼。對人接話時無間斷麼。見聞覺知時打成一片麼。返觀自己捉敗佛祖麼。今生決定續佛慧命麼。起坐便宜時還思地獄苦麼。此一報身定脫輪迴麼。當八風境心不動麼。

此是參禪人日用中點檢底道理。古人云。此身不向今生度。更待何生度此身。

(1) Tám sự thăng trầm của cuộc sống: lợi, suy, hủy (chê), dự (khen), xung (ca tụng), cơ (chế diễu), khổ, lạc (sướng).

(2) (Dục khí thô trọc tinh tao giao cấu thử sở dĩ xú thân dã.

(欲氣麤濁腥臊交構此所以醜身也。)

Chương 23: *Học ngữ chi bối, thuyết thời tự ngộ, đối cảnh hoàn mê. Sở vị ngôn hành tương vi giả dã.*

(學語之輩。說時似悟對境還迷。所謂言行相違者也。)

Chương 24: *Nhược dục địch sanh tử, tu đắc giá nhất niệm tử bạo địa nhất phá, phương liễu đắc sanh tử.*

(若欲敵生死。須得這一念子爆地一破。方了得生死。)

Chương 25: *Nhiên nhất niệm tử bạo địa nhất phá, nhiên hậu tu phỏng minh sư quyết trạch chánh nhãn.*

(然一念子爆地一破。然後須訪明師決擇正眼。)

Chương 26: *Cổ đức vân: Chỉ quý tử nhãn chánh, bất quý như hành lí xí.*

(古德云。只貴子眼正。不貴汝行履處。)

(1) Thiên Sư Quy Sơn Linh Hựu (771-853); Thiên sư Ngưỡng Sơn Huệ Tịch (803-887).

(2) Niết Bàn Kinh tứ thập quyển tổng thị ma thuyết, thử Ngưỡng Sơn chi chánh nhãn dã.

(□ □ □ □ □ □ □ □ □ □ 。此仰山之正眼也。)

(3) Chỉ quý tử nhãn chánh.

(□ □ □ □ □)

(4) Nhược dục tu hành tiên tu đốn ngộ.

(若欲修行先須頓悟。)

Chương 27: *Nguyện chư đạo giả thâm tín tự tâm, bất tự khuất bất tự cao.*

(願諸道者深信自心。不自屈不自高。)

Chương 28: *Mê tâm tu đạo dẫn trợ vô minh.*

(迷心修道但助無明。)

Chương 29: *Tu hành chi yếu, dẫn tận phàm tình, biệt vô thánh giải.*

(修行之要。但盡凡情別無聖解。)

Chương 30: *Bất dụng xả chúng sanh tâm, đãn mạc nhiễm ô tự tính. Cầu chánh pháp thị tà.*

(不用捨眾生心。但莫染污自性。求正法是邪。)

Chương 31: *Đoạn phiền não danh Nhị Thừa. Phiền não bất sanh danh Đại Niết bàn.*
(斷煩惱名二乘。煩惱不生名大涅槃。)

Chương 32: *Tu hư hoài tự chiếu, tín nhất niệm duyên khởi vô sanh.*
(須虛懷自照。信一念緣起無生。)

Chương 33: *Đế quán sát đạo tâm vọng tòng nhất tâm thượng khởi. Đương xử tiện tịch, hà tu cánh đoạn.*

(諦觀殺盜姪妄從一心上起。當處便寂。何須更斷。)

(1) Bất khởi nhất niệm danh vi vĩnh đoạn vô minh. (不起一念名為永斷無明)

(2) Niệm khởi tức giác. (念起即覺)

Chương 34: *Tri huyền tức li bất tác phương tiện. Li huyền tức giác diệt vô tiệm thứ.*
(知幻即離不作方便。離幻即覺亦無漸次。)

Chương 35: *Chúng sanh u vô sanh trung vọng kiến sanh tử niết bàn, như kiến không hoa khởi diệt.*

(眾生於無生中妄見生死涅槃。如見空花起滅。)

(1) Chư Phật xuất thế phi vị độ chúng sanh, chỉ vị độ sanh tử niết bàn nhị kiến nhi.

(諸佛出世非為度眾生。只為度生死涅槃二見耳。)

Chương 36: *Bồ Tát độ chúng sanh nhập diệt độ, hựu thật vô chúng sanh đắc diệt độ.*
(菩薩度眾生入滅度。又實無眾生得滅度。)

Chương 37: *Lý tuy đốn ngộ, sự phi đốn trừ.*
(理雖頓悟。事非頓除。)

Chương 38: *Đái tâm tu thiền như chung sa tác phạn, đái sát tu thiền như tắc nhĩ khiêu thanh, đái tâm tu thiền như lậu chi cầu mãn, đái vọng tu thiền như khắc phẫn vi hương. Túng hữu đa trí giai thành ma đạo.*

(帶姪修禪如蒸沙作飯。帶殺修禪如塞耳叫聲。帶偷修禪如漏卮求滿。帶妄修禪如刻糞為香。縱有多智皆成魔道。)

Chương 39: *Vô đức chi nhân bất y Phật Giới, bất hộ tam nghiệp, phóng dật giải đãi, khinh mạn tha nhân, khinh lượng thị phi nhi vi căn bản.*

(無德之人不依佛戒不護三業。放逸懈怠輕慢他人。輕量是非而為根本。)

Chương 40: *Học giả tường chi. Nhược bất trì giới, thượng bất đắc giới lại dã can chi thân, huống thanh tịnh Bồ đề quả khả kì hồ.*

(學者詳之。若不持戒。尚不得疥癩野干之身。況清淨菩提果可冀乎。)

(1) Có một vị tăng bị một băng cướp chặn cướp. Bọn chúng kéo vị tăng vào trong đám cỏ cao, giứt lấy bình bát, tràng hạt, và lột sạch quần áo. Sau đó chúng trói tay chân vị tăng

vào cỏ sát đất. Bọn cướp biết với tinh thần bất bạo động tuyệt đối của tu sĩ Phật giáo, vị tăng sẽ không làm bật cỏ để đứng dậy. Và chúng đã có lý. Vị tăng nằm yên không động dậy, sợ cử động sẽ làm bật gốc cỏ. Vị tăng nằm suốt ngày dưới nắng gắt và chịu đựng suốt đêm lạnh lẽo, nhưng vẫn không làm bật gốc cỏ. Sau đó, vị vua và đoàn tùy tùng đi sẵn ngang qua nhìn thấy. Kích động vì lòng từ bi của vị tăng, nhà vua đích thân mở trời cho ngài và từ đó từ bỏ săn bắn, quy y Tam Bảo.

(2) Một vị tăng đi khát thực đến trước cửa một người thợ ngọc. Người thợ ngọc lúc đó đang cắt một viên ngọc quý theo lệnh nhà vua. Khi người thợ rời bàn làm việc trong thời gian ngắn, một con ngỗng quanh quẩn ở đó nhìn thấy và nuốt viên ngọc. Người thợ trở lại không thấy viên ngọc, cho rằng vị tăng đã lấy cắp nó. Vị tăng vẫn yên lặng mặt dù ngài nhìn thấy con ngỗng nuốt viên ngọc ngay trước mắt. Vị tăng biết rằng nếu nói ra, con ngỗng sẽ bị giết ngay lập tức. Thấy vị tăng im lặng, người thợ ngọc lại càng điên tiết, bắt vị tăng trói lại và đánh đập, thét lên rằng nếu vị tăng muốn sống thì phải trả lại viên ngọc. Sau một lúc bị hành hạ, vị tăng để ý thấy con ngỗng bài tiết và nói với người thợ ngọc tìm trong phân của nó. Và quả nhiên anh ta tìm thấy viên ngọc.

Chương 41: *Dục thoát sanh tử tiên đoạn tham dục cập chư ái khát.*

(欲脫生死先斷貪欲及諸愛渴。)

(1) Dâm tâm bất trừ, trần bất khả xuất.

(婬心不除塵不可出)

(2) Ân ái nhất phục trừ suất nhân nhập tội môn.

(恩愛一縛著率人入罪門)

Chương 42: *Vô ngại thanh tịnh tuệ giai nhân thiên định sanh.*

(無礙清淨慧。皆因禪定生。)

(1) Dục cầu Thánh đạo li thử vô lộ.

(欲求聖道離此無路)

Chương 43: *Tâm tại định tắc năng tri thế gian sanh diệt chư tướng.*

(心在定則能知世間生滅諸相。)

Chương 44: *Kiến cảnh tâm bất khởi danh bất sanh, bất sanh danh vô niệm, vô niệm danh giải thoát.*

(見境心不起名不生。不生名無念。無念名解脫。)

Chương 45: *Tu Đạo chứng diệt thị diệt phi chân dã. Tâm pháp bản tịch nãi chân diệt dã. Cố viết chư pháp tông bản lai, thường tự tịch diệt tướng.*

(修道證滅是亦非真也。心法本寂乃真滅也。故曰諸法從本來。常自寂滅相。)

Chương 46: *Thử hạ tán cử tế hạnh.*

Bản nhân lai khát tùy phận thí dữ. Đồng thể đại bi thị chân bố thí.

(此下散舉細行。)

貧人來乞隨分施與。同體大悲是真布施。)

Chương 47: *Hữu nhân lai hại, đương tự nhiếp tâm vật sanh sân hận. Nhất niệm sân tâm khởi, bách vạn chướng môn khai.*

(有人來害。當自攝心勿生嗔恨。一念嗔心起。百萬障門開。)

(1) Trà cát lưỡng vô tâm.

(塗割兩無心)

Chương 48: *Nhược vô nhẫn hạnh, vạn hạnh bất thành.*

(若無忍行。萬行不成。)

Chương 49: *Thủ bản chân tâm đệ nhất tinh tấn.*

(守本真心第一精進。)

(1) “Mạc vọng tưởng”: Thiên sư Vô Nghiệp (762-823) mỗi khi có người hỏi thì trả lời: “Đừng vọng tưởng.” (莫妄想莫妄想)

Chương 50: *Trì chú giả: Hiện nghiệp dị chế tự hành khả vi, túc nghiệp nan trừ tất tá thần lực.*

(持咒者。現業易制自行可違。宿業難除必借神力。)

Chương 51: *Lễ bái giả kính dã phục dã, cung kính chân tính, khuất phục vô minh.*

(禮拜者敬也伏也。恭敬真性。屈伏無明。)

Chương 52: *Niệm Phật giả tại khẩu viết tụng, tại tâm viết niệm. Đồ tụng thất niệm, u đạo vô ích.*

(念佛者在口曰誦。在心曰念。徒誦失念。於道無益。)

(1) Thủ bản chân tâm thắng niệm thập phương chư Phật.

(守本真心勝念十方諸佛)

(2) Thường niệm tha Phật bất miễn sanh tử, thủ ngã bản tâm tức đáo bỉ ngạn.

(常念他佛不免生死。守我本心即到彼岸。)

(3) Phật hướng tính trung tác, mạc hướng thân ngoại cầu.

(佛向性中作。莫向身外求。)

(4) Mê nhân niệm Phật cầu sanh, ngộ nhân tự tịnh kì tâm.

(迷人念佛求生。悟人自淨其心。)

(5) Đại để chúng sanh ngộ Tâm tự độ, Phật bất năng độ chúng sanh.

(大抵眾生悟心自度。佛不能度眾生)

(6) Xướng Phật nhất thanh thiên ma táng đảm, danh trừ quỷ bộ, liên xuất kim trì.

(唱佛一聲天魔喪膽。名除鬼簿蓮出金池。)

(7) Tự lực tha lực nhất trì nhất tức. Dục việ hải giả, chủng thụ tác thuyên trì dã, bỉ tự lực dã. Tá thuyên việ hải tức dã, bỉ Phật lực dã.

(自力侘力一遲一速。欲越海者。種樹作船遲也。比自力也。借船越海速也。比佛力也。)

(8) Khuê Phong Tông Mật (780-841): Ngài đón ngộ tự tánh khi đang tụng kinh Viên Giác tại nhà một cư sĩ, về sau trở thành Tổ thứ năm của Hoa Nghiêm Tông.

(9) Thiết thật đón ngộ chung tu tiệm hạnh.

(設實頓悟終須漸行。)

(10) Mã Minh (Asvaghosa - ca.100-160): Một thi sĩ sống dưới thời vua Kanishka (Ca Nhi Sắc Ca) triều đại Kushan. Từ nhỏ, ngài được rèn luyện để trở thành một học giả Bà la môn. Về sau, ngài được đại đức Parsva chuyển hóa về Phật giáo và được coi là một vị Bồ tát sống. Ngài rất rành về văn học cổ Phạn ngữ, và trước tác nhiều luận sớ. Một trong những tác phẩm quan trọng nhất của ngài còn được truyền đọc đến ngày nay là Luận Đại Thừa Khởi Tín.

(11) Long Thọ (Nagarjuna – ca. 150-250): Ngài là một người có ảnh hưởng nhất trong Phật giáo sau đức Phật. Ban đầu ngài tu theo Tiểu Thừa, về sau ngài học Đại Thừa với một vị hòa thượng sống trong Hy Mã Lạp Sơn. Ngài viết rất nhiều sớ giải về nhiều bộ kinh và được coi là người khai triển giáo lý Bát Nhã. Ngài đóng một vai trò trọng yếu trong việc truyền bá Phật pháp và do đó được coi là “vị Phật thứ hai.”

(12) Huệ Viễn (334-416): Lúc đầu ngài học Nho và Lão. Về sau, khi nghe ngài Đạo An (314-385) giảng kinh Bát Nhã, ngài được khai ngộ và xuất gia. Ngài cùng với 123 vị đại đức và cư sĩ lập ra Bạch Liên Xã chuyên lấy việc tụng kinh làm phương tiện khai ngộ.

(13) Thụy Nham (?): Ngài là đệ tử của ngài Nham Đầu Toàn Ngộ (828-887). Mỗi ngày, ngài thường tự thốt rồi tự trả lời: “Thầy hỏi?” “Phải.” “Giữ tâm trong sáng!” “Vâng.” “Đừng để bị dối gạt bất cứ lúc nào, nơi nào!” “Vâng.”

Chương 53: Thính Kinh hữu Kinh nhĩ chi duyên, tùy hỷ chi phúc. Huyền khu hữu tận, thật hành bất vong.

(聽經有經耳之緣。隨喜之福。幻軀有盡。實行不亡。)

(1) Như nuốt kim cương: Theo kinh Hoa Nghiêm, giống như nuốt kim cương, viên kim cương sẽ không bị vỡ ra và tiêu hóa nhưng nó sẽ xuyên qua đường tiêu hóa rồi trở ra nguyên vẹn. Người tạo nhân duyên dù rất nhỏ với Phật pháp, nhân duyên đó sẽ không bị tiêu hủy, nó sẽ cắt xuyên qua vô minh, phá từ nghiệp chướng khổ đau do vô minh và phiền não tạo ra, và sẽ đưa đến sự giải thoát cao thượng nhất.

(2) Vĩnh Minh Diên Thọ (904-975): Tổ thứ ba của Pháp Tướng Tông và cũng là Tổ thứ sáu Tịnh Độ Tông.

(3) Văn nhi bất tín thượng kết Phật chủng chi nhân. Học nhi bất thành do ích nhân thiên chi phúc.

(聞而不信尚結佛種之因。學而不成猶益人天之福。)

Chương 54: Khán Kinh nhược bất hướng tự ki thượng tổ công phu, tuy khán tận vạn tạng do vô ích dã.

(看經若不向自己上做工夫。雖看盡萬藏猶無益也。)

(1) Khuê Phong Tông Mật: Xem chú thích chương 52.

(2) Thức tự khán Kinh nguyên bất chứng ngộ, tiêu văn thích nghĩa duy sí tham sân tà kiến.

(識字看經元不證悟。銷文釋義唯熾貪嗔邪見。)

Chương 55: *Học vị chí u Đạo, huyễn diệu kiến văn đồ dĩ khẩu thiệt biện lợi tương thắng giả, như xí ốc trà đan hoạch.*

(學未至於道。衒耀見聞徒以口舌辨利相勝者。如廁屋塗丹黶)

Chương 56: *Xuất gia nhân tập ngoại điển như dĩ đao cát nê, nê vô sở dụng nhi đao tự thương yên.*

(出家人習外典。如以刀割泥。泥無所用而刀自傷焉。)

Chương 57: *Xuất gia vi tăng khởi tế sự hồ, phi cầu an dật dã, phi cầu ôn bão dã, phi cầu lợi danh dã, vị sanh tử dã, vị đoạn phiền não dã, vị tục phát tuệ mệnh dã, vị xuất tam giới độ chúng sanh dã.*

(出家為僧豈細事乎。非求安逸也。非求溫飽也。非求利名也。為生死也。為斷煩惱也。為續佛慧命也。為出三界度眾生也)

Chương 58: *Phật vân: Vô thường chi hỏa thiêu chư thế gian. Hựu vân: Chúng sanh khổ hỏa tứ diện câu phần. Hựu vân: Chư phiền não tặc thường tứ sát nhân, đạo nhân nghi tứ cảnh ngộ, như cứu đầu nhiên.*

(佛云。無常之火燒諸世間。又云。眾生苦火四面俱焚。又云。諸煩惱賊常伺殺人。道人宜自警悟。如救頭燃。)

Chương 59: *Doanh cầu thế lợi nghiệp hỏa gia tân.*

(營求世利業火加薪。)

Chương 60: *Danh lợi nạp tử bất như thảo y dã nhân.*

(名利衲子不如草衣野人。)

Chương 61: *Phật vân: Vân hà tặc nhân, giả ngã y phục, bì phiến Như Lai, tạo chủng chủng nghiệp.*

(佛云。云何賊人。假我衣服。裨販如來。造種種業。)

Chương 62: *Ô hô, Phật tử nhất y nhất thực, mạc phi nông phu chi huyết, chức nữ khổ, đạo nhân vị minh, như hà tiêu đắc.*

(於戲。佛子一衣一食。莫非農夫之血織女苦。道眼未明。如何消得。)

(1) Truyền Đăng Lục: gồm 30 quyển do ngài Đạo Ngạn hệ thống vào năm 1004 (thuộc thời nhà Tống), ghi chép sự truyền thừa từ bảy vị Phật cho đến ngài Pháp Nhân Văn Ích (885-958), gồm 1701 vị. 1700 công án Thiền được rút ra từ tác phẩm này.

(2) Nhất đạo nhân đạo nhân vị minh cố, thân vi mộc khuẩn dĩ hoàn tín thí.

(一道人道眼未明故。身為木菌以還信施。)

Chương 63: *Cổ viết: Yếu thức phi mao đái giác để ma, tức kim hư thụ tín thí giả thị. Hữu nhân vị cơ nhi thực vị hàn nhi y, thị thành hà tâm tai. Đồ bất tư mục tiền chi lạc, tiện thị thân hậu chi khổ dã.*

(故曰要識披毛戴角底麼。即今**虛受信施者是**。有人未飢而食未寒而衣。是誠何心哉。都不思目前之樂。便是身後之苦也)

Chương 64: *Cổ viết: Ninh dĩ nhiệt thiết triền thân, bất thụ tín tâm nhân y. Ninh dĩ dương đồng quán khẩu, bất thụ tín tâm nhân thực. Ninh dĩ thiết quán đầu thân, bất thụ tín tâm nhân phòng xá đấng.*

(故曰。寧以熱鐵纏身。不受信心人衣。寧以洋銅灌口。不受信心人食。寧以鐵罐投身。不受信心人房舍等。)

(1) **Bất dĩ phá giới chi thân thụ tín tâm nhân chủng chủng cung dưỡng nãi chủng chủng thí vật. Bồ tát nhược bất phát thị nguyện tắc đắc khinh cầu tội.**

(不以破戒之身受信心人種種供養乃種種施物。菩薩若不發是願則得輕垢罪。)

Chương 65: *Cổ viết: Đạo nhân tiến thực như tiến độc, thụ thí như thụ tiễn. Tế hậu ngôn cam, đạo nhân sở úy.*

(故曰。道人進食如進毒。受施如受箭。弊厚言甘。道人所畏)

Chương 66: *Cổ viết: Tu đạo chi nhân như nhất khối ma đao chi thạch. Trương Tam dã lai ma, Lý Tư dã lai ma, ma lai ma khứ, biệt nhân đao khoái nhi tự gia thạch tiệm tiêu. Nhiên hữu nhân cánh hiềm tha nhân bất lai ngã thạch thượng ma, thật vi khả tích!*

(故曰。修道之人如一塊磨刀之石。張三也來磨。李四也來磨。磨來磨去。別人刀快而自家石漸消。然有人更嫌佗人不來我石上磨。實為可惜。)

Chương 67: *Cổ cổ ngữ diệc hữu chi viết: Tam đồ khổ vị thị khổ, ca sa hạ thất nhân thân thủy thị khổ dã.*

(故古語亦有之曰。三途苦未是苦。袈裟下失人身始是苦也。)

(1) **Kim sanh vị minh tâm, tích thủy dã nan tiêu.**

(今生未明心。滴水也難消。)

Chương 68: *Đốt tại thử thân. Cửu khổng thường lưu bách thiên ung thư nhất phiến bạc bì. Hựu vân: Cách nang tịnh phần nùng huyết chi tụ, xú uế khả bỉ, vô tham tích chi, hà huống bách niên tương dưỡng nhất tức bội ân.*

(咄哉此身。九孔常流百千癰疽一片薄皮。又云革囊盛糞膿血之聚。臭穢可鄙。無貪惜之。何況百年將養一息背恩。)

(1) **Tương lất tịnh thủ chấp kinh quyển, tại Phật tiền thể thóa giả, tất đương hoạch xí trùng báo.**

(將不淨手執經卷。在佛前涕唾者。必當獲廁虫報。)

(2) **Đại tiểu tiện thời trạng như mộc thạch, thân vật ngữ ngôn tác thanh, hựu vật họa bích thư tự, hựu vật thổ đàm nhập xí trung. Hựu vân: Đãng xí bất tẩy tịnh giả, bất đắc tọa thiên trạng, bất đắc đấng bảo điện.**

(大小便時狀如木石。慎勿語言作聲。又勿畫壁書字。又勿吐痰入廁中。又云登廁不洗淨者。不得坐禪狀。不得登寶殿。)

(3) Sơ nhập xí thời, tiên tu đàn chỉ tam hạ, dĩ cảnh tại uế chi quý, mặc tụng thần chú các thất biến...

(初入廁時。先須彈指三下。以警在穢之鬼。默誦神咒各七遍。初誦入廁咒曰。

Chương 69: *Hữu tội tức sám hối, phát nghiệp tức tâm quý, hữu trượng phu khí tượng. Hữu cải quá tự tân tội tùy tâm diệt.*

(有罪即懺悔。發業即慚愧有丈夫氣象。又改過自新罪隨心滅。)

Chương 70: *Đạo nhân nghi ứng đoan tâm dĩ chất trực vi bản. Nhất瓢 nhất nã lạc vô lụy.*

(道人宜應端心以質直為本。一瓢一衲旅泊無累。)

(1) Tâm như trực huyền. (心如直絃)

(2) Trực tâm thị đạo tràng. (直心是道場)

Chương 71: *Phàm phu thủ cảnh, đạo nhân thủ tâm. Tâm cảnh lưỡng vong nãi thị chân pháp.*

(凡夫取境。道人取心。心境兩忘乃是真法。)

Chương 72: *Thanh văn yển tọa lâm trung bị ma vương tróc. Bồ tát du hí thế gian ngoại ma bất kiến.*

(聲聞宴坐林中被魔王捉。菩薩遊戲世間外魔不見。)

Chương 73: *Phàm nhân lâm mệnh chung thời, dẫn quán ngũ uẩn giai không, tứ đại vô ngã, chân tâm vô tướng bất khứ bất lai, sanh thời tánh diệt bất sanh, tử thời tánh diệt bất khứ, trạm nhiên viên tịch, tâm cảnh nhất như.*

凡人臨命終時。但觀五蘊皆空四大無我。真心無相不去不來。生時性亦不生。死時性亦不去。湛然圓寂心境一如。

Chương 74: *Phàm nhân lâm mệnh chung thời, nhược nhất hào mao phàm thánh tình lượng bất tận, tư lự vị vong, hướng lư thai mã phúc lý thác chất, nê lê hoạch thang trung chử sấp, nãi chí y tiền tái vi lâu nghĩ vãn mãn.*

(凡人臨命終時。若一毫毛凡聖情量不盡。思慮未忘。向驢胎馬腹裏托質。泥犁鑊湯中煮爍。乃至依前再為螻蛄蚊虻。)

(1) Bạch Vân Thủ Đoan (1025-1072).

(2) Thiết sử nhất hào mao phàm thánh tình niệm tịnh tận, diệt vị miễn nhập lư thai mã phúc trung. Nhị kiến tinh phi tán nhập chư thú.

Chương 75: *Thiền học giả bốn địa phong quang nhược vị phát minh, tác cô tiêu huyền quan nghĩ tông hà thấu? Vãng vãng đoan diệt không dĩ vi Thiền, vô kí không dĩ vi đạo, nhất thiết câu vô dĩ vi cao kiến.*

(禪學者本地風光若未發明。則孤峭玄關擬從何透。往往斷滅空以為禪。無記空以為道。一切俱無以為高見。)

(1) Vân Môn Văn Yến (862 hay 864 -949): Ngài sinh ở tỉnh Chiết Giang, xuất gia theo học Luật khi còn nhỏ. Ngài ngộ đạo khi bị gãy chân vì bị đẩy ra khỏi cửa chùa. Sau đó, ngài theo tu học với Thiền sư Tuyết Phong Nghĩa Tồn, được đại ngộ và trở thành truyền nhân của Thiền sư. Ngài tiếp tục xiển dương Phật pháp ở núi Vân Môn nên được gọi là Thiền sư Vân Môn. Ngài có 88 người đệ tử đắc Pháp.

(2) Quang lất thẩu thoát hữu lưỡng chủng bệnh. Thẩu quá pháp thân diệc hữu lưỡng chủng bệnh.

(光不透脫有兩種病。透過法身亦有兩種病。須一一透得始得)

Chương 76: *Tông sư diệc hữu đa bệnh. Bệnh tại nhĩ mục giả, dĩ mi nỗ mục trắc nhĩ điểm đầu vi Thiền. Bệnh tại khẩu thiết giả, dĩ diên ngôn đảo ngữ hồ hát loạn hát vi Thiền. Bệnh tại thủ túc giả, dĩ tiến tiền thoái hậu chỉ đông hạp tây vi Thiền.*

(宗師亦有多病。病在耳目者以[目*當]眉努目側耳點頭為禪。病在口舌者以顛言倒語胡喝亂喝為禪。病在手足者以進前退後指東畫西為禪。)

Chương 77: *Bốn phận Tông Sư toàn đề thử cú. Như mộc nhân xướng phách, hồng lô điểm tuyết. Diệc như thạch hỏa điện quang. Học giả thật bất khả nghĩ nghị dã. Cố cố nhân tri sư ân viết: Bất trọng tiên sư đạo đức, chỉ trọng tiên sư bất vị ngã thuyết pháp.*

(V bản phân tông sư toàn đề thử cú. Như mộc nhân hát拍紅爐點雪。亦如石火電光。學者實不可擬議也。故古人知師恩曰。不重先師道德。只重先師不為我說破。)

(1) Thiền sư Động Sơn Lương Giới (807-868).

Chương 78: *Đại để học giả tiên tu tường biện Tông đồ. Tích Mã Tổ nhất hát dã Bách Trượng nhĩ lung, Hoàng Bá thổ thiết. Giá nhất hát tiện thị niêm hoa tiêu tức, diệc thị Đạt Ma sơ lai để diện mục. Hu thử Lâm Tế Tông chi uyên nguyên.*

(大抵學者先須詳辨宗途。昔馬祖一喝也百丈耳聾黃檗吐舌。這一喝便是拈花消息。亦是達磨初來底面目。吁此臨濟宗之淵源。)

(1) Mã Tổ Đạo Nhất (709-788): Ngài xuất gia từ nhỏ và là một hành giả chuyên cần nhất trong chúng của ngài Hoài Nhượng núi Nam Nhạc. Một hôm, ngài Hoài Nhượng thấy Đạo Nhất đang tham thiền, hỏi: “Ông đang làm gì đó?”

- Thưa Thầy con đang tham thiền.

- Ông tham thiền muốn cầu gì?

- Thưa làm Phật.

Ngài Hoài Nhượng bỏ đi. Một lúc sau, ngài Đạo Nhất giật mình vì những tiếng ồn chói tai. Nhìn lên, ngài Đạo Nhất thấy vị Thầy đang cọ hai miếng ngói vào nhau. Đạo Nhất hỏi:

- Thầy mài hai miếng ngói để làm gì vậy?”

- Để làm gương.

- Làm như vậy sao có thể thành gương?
- Ông cũng như vậy. Ông nghĩ là cứ ngồi thiền thì sẽ thành Phật sao?
- Thưa Thầy, vậy phải làm thế nào?

Ngài Hoài Nhượng nói:

- Nếu xe không chịu đi thì đánh bò hay đánh xe?
- Thưa đánh bò.

- Cũng vậy, Thiền không phải là dừng thân mà là dừng tâm, cũng không phải là ngồi mãi không nằm. Không ai thành Phật nhờ ngồi mãi. Thiền là không bám chấp, không có gì để được, không có gì để mất.

Nghe lời đó, ngài Đạo Nhất liền đại ngộ và được ngài Hoài Nhượng ấn chứng. Về sau, ngài đào tạo được 139 đệ tử đắc Pháp.

(2) Bách Trượng Hoài Hải (720 hay 749-814): Ngài theo học với Mã Tổ. Sau khi ngộ với tiếng hét của Mã Tổ và được ấn chứng, ngài thu nạp đồ chúng rất đông. Từ trước, các chùa viện Thiền Tông ở Trung Hoa được tổ chức theo truyền thống từ Luật Tạng. Đến ngài Bách Trượng, ngài tạo một truyền thống mới. Ngài chế ra luật lệ và thiết lập một nền tảng kinh tế mới thích hợp với văn hóa và tinh thần thời đại lúc đó ở Trung Hoa. Từ đó, bộ Bách Trượng Thanh Quy đã ảnh hưởng sâu rộng vào sinh hoạt ở các chùa viện Thiền Tông. Một trong những câu nói của ngài được nhiều người biết đến là “Một ngày không làm, một ngày không ăn.” (Nhứt nhật bất tác, nhứt nhật bất thực.)

(3) Hoàng Bá Hy Vận (?-850): Ngài vào núi Hoàng Bá ở tỉnh Giang Tây xuất gia khi còn nhỏ. Khi hỏi Thầy là ngài Bách Trượng về nhân duyên ngộ đạo, ngài Bách Trượng trả lời: “Tiếng hét của Mã Tổ làm tai ta điếc ba ngày.” Nghe thế, ngài Hoàng Bá há miệng kinh ngạc, lưỡi rơi xuống đến tận cằm, đại ngộ.

Chương 79: Đại phạm Tổ Sư tông đồ hữu ngũ. Viết Lâm Tế tông, viết Tào Động tông, viết Vân Môn tông, viết Qui Ngưỡng tông, viết Pháp Nhãn tông.

(大凡祖師宗途有五。曰臨濟宗。曰曹洞宗。曰雲門宗。曰滄仰宗。曰法眼宗。)

Lâm Tế gia phong xích thủ đơn đao sát Phật sát Tổ, biện cổ kim u huyền yếu, nghiệm long xà u chỉ tân, thao kim cương bảo kiếm, tảo trừ trúc mộc tinh linh, đoạt sư tử toàn uy, chấn liệt hồ li tâm đảm.

(臨濟家風赤手單刀殺佛殺祖。辨古今於玄要。驗龍蛇於主賓。操金剛寶劍。掃除竹木精靈。奪獅子全威。震裂狐狸心膽。)

Chương 80: Tào Động gia phong quyền khai Ngũ Vị thiện tiếp tam căn, hoành trừu bảo kiếm trảm chư kiến trừ lâm, diêu hiệp hồng thông tiệt vạn cơ xuyên tạc, Oai Âm na bạn mãn mục yên quang, không kiếp dĩ tiền nhất hồ phong nguyệt.

(曹洞家風權開五位善接三根。橫抽寶劍斬諸見稠林。妙[怡-台+荔]弘通截萬機穿鑿。威音那畔滿目煙光。空劫已前一壺風月。)

Chương 81: Vân Môn gia phong kiếm phong hữu lộ thiết bích vô môn, hân phiên lộ bố cát đằng, tiễn khước thường tình kiến giải, tán điện bất cập tư lương, liệt diễm ninh dung thẩu bạc.

(雲門家風劍鋒有路鐵壁無門。掀翻露布葛藤。剪卻常情見解。迅電不及思量。裂焰寧容湊泊。)

Chương 82: *Qui Ngưỡng gia phong sư tư xướng hòa phụ tử nhất gia, hiệp hạ thư tự đầu giác tranh vanh (tranh vanh: cao ngất), thất trung nghiệm nhân sư tử yêu chiết, li tứ cú tuyết bách phi nhất chùy phần toái. Hữu lưỡng khẩu vô nhất thiệt cửu khúc châu thông.*
(為仰家風師資唱和父子一家。脅下書字頭角崢嶸。室中驗人獅子腰折。離四句絕百非一槌粉碎。有兩口無一舌九曲珠通。)

Chương 83: *Pháp Nhân gia phong ngôn trung hữu hưởng cú lí tàng phong, độc lâu (độc lâu: đầu lâu) thường vu thế giới, tị không ma xúc gia phong, phong kha nguyệt chữ hiển lộ chân tâm, thúy trúc hoàng hoa tuyên minh diệu pháp.*
(法眼家風言中有響句裡藏鋒。髑髏常于世界。鼻孔磨觸家風。風柯月渚顯露真心。翠竹黃花宣明妙法。)

Chương 84: *Lâm Tế hát, Đức Sơn bồng, giai triệt chứng vô sanh, thấu đỉnh thấu đế, đại cơ đại dụng, tự tại vô phương, toàn thân xuất nhập, toàn thân đấm hà, thối thủ Văn Thủ Phổ Hiền đại nhân cảnh giới.*
(臨濟喝。德山棒。皆徹證無生。透頂透底大機大用。自在無方。全身出沒全身擔荷。退守文殊普賢大人境界。)

Chương 85: *Đại trượng phu kiến Phật kiến Tổ như oan gia. Nhược trước Phật cầu bị Phật phược. Nhược trước Tổ cầu bị Tổ phược. Hữu cầu giai khổ, bất như vô sự.*
(大丈夫見佛見祖如冤家。若著佛求被佛縛。若著祖求被祖縛。有求皆苦。不如無事。)

(1) Ngài Đôn Hà ngụ trong một ngôi chùa trong một ngày mùa Đông lạnh lẽo. Ngôi chùa nghèo nàn xơ xác, không có thức ăn cũng không có củ sưởi. Ngài Đôn Hà vào chánh điện rình tượng Phật gỗ trên bàn thờ đem ra ngoài đốt. Khi ngài đang hong tay sưởi ấm, một vị tăng khác bước đến, thấy vậy nói:

- Ông điên rồi sao? Sao dám lấy tượng Phật làm củi đốt?

- “Củi đốt?” Ngài Đôn Hà trả lời. “Tôi đâu lấy Phật làm củi. Tôi chỉ đốt để lấy xá lợi trong đó.”

- Thật là khó nghe. Làm sao có được xá lợi từ gỗ.

Ngài Đôn Hà nói:

- Nếu chỉ là gỗ thì tại sao lại không thể dùng để sưởi?

(2) Theo truyền thuyết, khi đức Thích Ca đản sinh, ngài bước đi bảy bước, một tay chỉ lên trời, một tay chỉ xuống đất, nói: “Trên trời dưới trời, chỉ có “ngã” là tôn quý.” Ngài Văn Môn Thiền sư nói: “Nếu ta có mặt lúc ấy, ta sẽ cho ăn đòn rồi liệng thầy cho chó đó. Khi đó thế giới mới thật sự thanh bình.”

(3) Một lão bà từ chối gặp đức Phật.

Chương 86: *Thần quang bất muội vạn cổ huy du, nhập thử môn lai mạc tồn tri giải.*
(神光不昧萬古徽猷。入此門來莫存知解。)

(1) Tri chi nhất tự chúng diệu chi môn.

(知之一字眾妙之門)